

Tp.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Mã chứng khoán: SHP
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08 3820.7795
Fax: 08 3820.7794
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh
Địa chỉ: 158/32 Nguyễn Văn Đậu, P7, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại: Di động: 0903141474, cơ quan 08 3820.7795 (109)
Fax: 08 3820.7794
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:
Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2014.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/03/2015 tại đường dẫn www.shp.vn .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo thường niên năm
2014.

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Kế Toán Trưởng

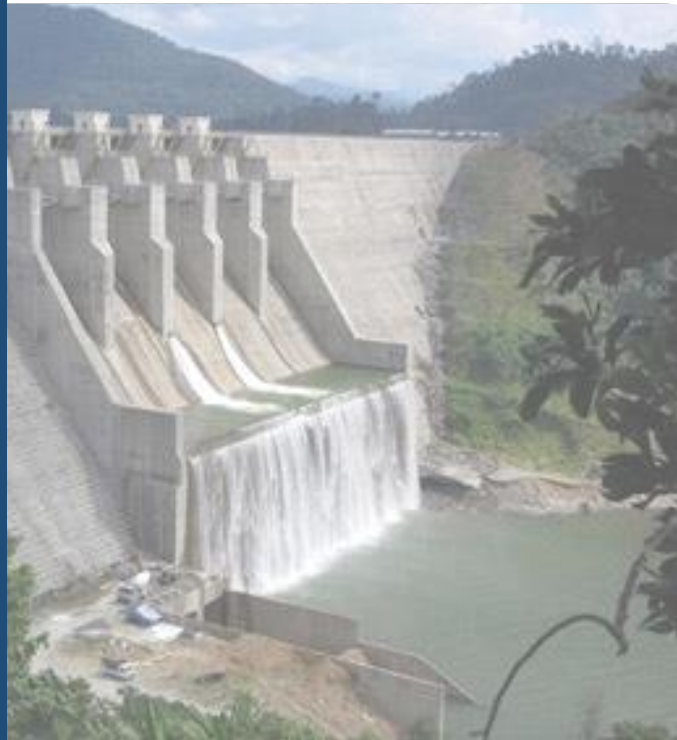


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**

MÃ CỔ PHIẾU : SHP



www.shp.vn



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Tên giao dịch bằng tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Tên giao dịch bằng tiếng Anh

SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ

937.102.000.000 VNĐ

Mã cổ phiếu: **SHP**

Mệnh giá cổ phần: **10.000 VNĐ**

Tổng số cổ phần: **9.371.020**

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0303416670

Đăng ký lần đầu số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 13/07/2004

Đăng ký thay đổi lần thứ 07 với mã số doanh nghiệp 0303416670 ngày 18/07/2014

Thông tin liên hệ

P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM

Số điện thoại: **(+84) 08-38207795**

Số Fax: **(+84) 08-38207794**

Website: **www.shp.vn**

Email: **thuydienmiennam@shp.vn**

MỤC LỤC



GỚI THIỆU CÔNG TY

- 06 Quá trình hình thành và phát triển
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- 17 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Chiến lược
- 19 Rủi ro



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 34 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 35 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 35 Kế hoạch phát triển tương lai
- 35 Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 40 Hội đồng quản trị
- 45 Ban Kiểm soát
- 47 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- 22 Tình hình hoạt động SXKD
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 27 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 28 Tình hình tài chính
- 32 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn CSH



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 37 Đánh giá của HĐQT
- 37 Đánh giá của HĐQT về Ban giám đốc
- 38 Kế hoạch và định hướng của HĐQT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

- 49 Ý kiến của kiểm toán
- 50 Báo cáo tài chính



Thông điệp của **CHỦ TỊCH HĐQT**

Kính gửi: Các cấp chính quyền, Quý cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác, Quý khách hàng cùng toàn thể người lao động của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Kinh tế Việt Nam năm 2014 khá toàn diện, tăng trưởng vượt chỉ tiêu, lạm phát được kiểm soát với mức tăng trưởng khá thấp, nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất và bắt đầu tiến trình phục hồi tăng trưởng.

Hòa chung với thuận lợi trong sản xuất kinh doanh vào lúc 10g 40 phút ngày 31/12/2013 Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đưa nhà máy Đam'Bri hòa lưới điện quốc gia, đánh dấu mốc đưa cả ba nhà máy đi vào sản xuất nhân dịp 10 năm thành lập Công ty. Nhà máy thủy điện Đam'Bri có công suất 75MW với giá bán điện bình quân 916,13 đ/kWh, chiếm 57% sản lượng điện thương phẩm và 63,1% tổng doanh thu, góp phần quyết định hiệu quả kinh doanh năm 2014 và những năm tiếp theo.

Với tình hình thủy văn thuận lợi của khu vực Nam Tây Nguyên, sản lượng và doanh thu của 3 nhà máy Đasiat, Đa Dâng 2 và Đam'Bri đều vượt kế hoạch, nhà máy Đasiat đạt giá trị doanh thu 62,26 tỷ đồng, tăng 10,6% so với kế hoạch

Nhà máy Đa Dâng 2 đạt 157,73 tỷ đồng, tăng 29,58% so với kế hoạch, nhà máy Đam'Bri đạt 376,43 tỷ đồng, tăng 17,68 % so với kế hoạch. Tổng lợi nhuận đạt 226,44 tỷ đồng, tăng 173,28% so với kế hoạch. Để tăng giá trị cổ phiếu và thanh khoản, tiếp cận thị trường tài chính, ngày 21/07/2014 cổ phiếu Công ty với mã chứng khoán SHP đã chính thức niêm yết trên sàn HOSE. Từ khi chuyển sàn giá cổ phiếu Công ty đã tăng đáng kể và là một trong những cổ phiếu được đánh giá tiềm năng.

Thay mặt Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành sâu sắc trước sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền, của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thời gian vừa qua, đây là nguồn động viên lớn lao giúp Công ty tiếp tục phát triển. Tôi chân thành cảm ơn sự đồng lòng, chia sẻ của Quý Cổ đông, sự hợp tác quý báu của các đối tác và chúng tôi mong nhận được sự ủng hộ và quan hệ tốt đẹp từ quý vị trong thời gian tới. Những thành quả đạt được trong năm qua còn đến từ sự nỗ lực của toàn thể lao động trong Công ty. Đại diện Hội đồng quản trị, tôi gửi tới các anh chị em lời cảm ơn để ghi nhận những đóng góp của mọi người trong năm 2014. Năm 2015, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam sẽ tiếp tục phấn đấu tăng trưởng để đạt đến những thành công mới.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



HỒ QUANG ÁI





GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- ✓ Tầm nhìn – Sứ mệnh – Chiến lược
- ✓ Rủi ro





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

Căn cứ vào chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) trong chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004 – 2010, định hướng đến 2020 nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đã chính thức được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 13/07/2004.

Với mức vốn điều lệ 250.000.000.000 VNĐ và hơn 4.000 cổ đông góp vốn dưới sự chủ trì của Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam), mục tiêu hoạt động ban đầu của Công ty là thực hiện đầu tư, quản lý vận hành 2 dự án thủy điện ở địa bàn tỉnh Lâm Đồng là:

- Công trình thủy điện Đa Siat công suất 13,5MW tại huyện Bảo Lâm
- Công trình thủy điện Đa Dâng 2 thuộc địa bàn huyện Lâm Hà và Đức Trọng với công suất 34 MW.

PHÁT TRIỂN VỮNG CHẮC

Tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 năm 2006, toàn thể cổ đông sáng lập và cổ đông tham gia góp vốn đã đồng lòng nhất trí kế hoạch đầu tư thêm dự án thủy điện Đa M'bri công suất lên đến 75MW và tăng vốn điều lệ lên 687.000.000.000 VNĐ.

Năm 2010, Công ty chính thức khánh thành 2 nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2 và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán SHP.

Giai đoạn 2011 – 2013, Công ty lần lượt tăng vốn điều lệ lên 853 và 937 tỷ đồng đồng thời bổ sung thêm nhiều lĩnh vực kinh doanh nhằm phát huy tốt nhất kinh nghiệm, kỹ thuật của các thành viên và đối tác trong lĩnh vực điện năng.

Ngày 01/01/2014, nhà máy thủy điện Đa M'bri chính thức hòa thành công vào lưới điện Quốc gia.





CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2014

Nhà máy Đa M'brì chính thức hòa vào lưới điện Quốc gia.

Tháng 05/2014, tổ máy cuối cùng của nhà máy thủy điện Đa M'brì, nhà máy lớn nhất của SHP chính thức đi vào hoạt động là một bước vọt tăng trưởng, nâng tổng công suất của Công ty từ 47,5 MW lên 122,5 MW.

SHP chào sàn HOSE

Ngày 21/07/2014, tại Sở GDCK TP.HCM đã diễn ra lễ khai trương niêm yết và phiên giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu của Công ty CP Thủy điện Miền Nam.

Nhà máy Đa Dâng 2 được cấp chứng chỉ CERs.

Ngày 07/11/2014, Ban chấp hành quốc tế về cơ chế phát triển sạch của Liên Hiệp Quốc (EB) đã chính thức cấp chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính CERs, khẳng định Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đã cam kết thực hiện dự án theo cơ chế phát triển sạch, bảo vệ môi trường.

SHP đạt mốc 1 tỷ kWh điện

Tháng 06/2014, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã xuất sắc cán mốc sản lượng 1 tỷ kWh phát lên lưới điện Quốc gia. Thành tích này là một trong những thành tích đáng tự hào trong chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển của SHP, là minh chứng cho sự phát triển vững chắc của Công ty cũng như sự đoàn kết đồng lòng của toàn bộ người lao động.

Về đích trước hạn

Vào thời điểm 10h ngày 31/10/2014, SHP đã đạt mốc sản lượng kế hoạch khai thác 556,4 triệu kWh và doanh thu kế hoạch năm 2014 là 497,7 tỷ đồng, trước thời điểm kết thúc năm đến 2 tháng.

Cả 3 nhà máy cùng xuất sắc đạt kỷ lục về sản lượng

2014 là một năm đáng nhớ với SHP khi cả 3 nhà máy cùng lúc đạt mức sản lượng kỷ lục sau 5 năm phát điện. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2014, Sản lượng của nhà máy Đa Siat vượt 17% công suất lắp đặt, đạt 69,8 triệu kWh. Nhà máy Đa Dâng 2 còn ấn tượng hơn khi lần đầu tiên đạt 214,6 triệu kWh, vượt xa sản lượng thiết kế chỉ 152,11 triệu kWh.

Dù tổ máy thứ 2 chỉ được đi vào vận hành từ tháng 05/2014 nhưng nhà máy Đa M'brì vẫn xuất sắc về đích ở mức 378,5 triệu kWh, tương đương 112% thiết kế.



Năm 2014 là một mốc son đáng nhớ đánh dấu chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển của SHP





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Đào tạo lực lượng quản lý vận hành các nhà máy điện
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa máy móc thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



Nhà máy thủy điện Đa Siat nằm trên lưu vực suối Đa Siat, một nhánh bờ trái sông Đồng Nai. Cửa suối Đa Siat ở hạ lưu công trình thủy điện Đồng Nai 3,4 và thượng lưu công trình thủy điện Đồng Nai 5. Nhà máy có quy mô nhỏ 13,5 MW, sản lượng điện theo thiết kế 59,34 triệu Kwh/năm với tổng vốn đầu tư 339 tỷ đồng, được đi vào vận hành từ đầu năm 2010.



Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng, bắt nguồn từ dãy Lang Biang. Nhà máy đặt tại khu vực ngã ba cửa sông Đa Dâng đổ vào sông Đồng Nai, có công suất lắp đặt 34 MW, sản lượng điện theo thiết kế 152,11 triệu kWh/năm. Công trình được khởi công năm 2008 với suất đầu tư chỉ khoảng 14,7 tỷ đồng/MW và chính thức phát điện vào tháng 10/2010.



Nhà máy thủy điện Đa M'بری được xây dựng trên dòng chảy chính của sông Đa M'بری, là nhà máy có công suất lớn nhất của SHP với công suất lên đến 75 MW, sản lượng điện theo thiết kế 338,2 triệu Kwh/năm. Đây là một trong số ít các công trình thủy điện kiểu hầm áp lực, với đường hầm dẫn dòng dài đến 8,3km. Khác với 2 nhà máy còn lại, Đa M'بری có hồ chứa điều tiết theo năm lên đến 56,3 triệu m³, nhờ đó doanh nghiệp có thể dự trữ nước để phát điện, giảm áp lực về nguồn cung điện vào mùa khô.



Các chỉ số cơ bản của các nhà máy

Tên nhà Máy	ĐVT	Đa Siat	Đa Dâng 2	Đa M'bri
Điều kiện thủy văn		Suối Đa Siat	Sông Đa Dâng	Suối Đa M'bri
Lượng mưa trung bình	mm/năm	2.750	1.900	2.636
Lưu lượng trung bình	m ³ /s	5,2	33,5	11
Diện tích lưu vực	Km ²	117	1.170	215
Chiều dài sông/suối chính	Km	17,5	87	33,2
Đặc điểm hồ chứa				
Mức nước dâng bình thường	m	558,5	810	614
Mức nước chết	m	556,5	809	590
Dung tích hồ chứa	Triệu m ³	0,462	0,912	56,3
Dung tích hữu ích	Triệu m ³	0,15	0,345	51,35
Lưu lượng đảm bảo	m ³ /s	1,505	5,45	5,4
Đặc điểm nhà máy				
Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	339	500	2.186
Tổng công suất	MW	13,5	34	75
Suất đầu tư	Tỷ đồng/ MW	25,1	14,7	29,2
Sản lượng thiết kế	Triệu kWh	59,34	152,11	338,2
Ngày phát điện		01/2010	09/2010	31/12/2013
Số tổ máy	Cái	2	2	2
Loại Turbine		Francis	Francis	Francis
Hợp đồng mua bán điện				
Đối tác		Tổng Cty Điện lực Miền Trung	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Thời gian hiệu lực		06/08/2009	08/05/2012	02/10/2013
Số năm hiệu lực	Năm	20	25	10





ĐỊA BÀN KINH DOANH



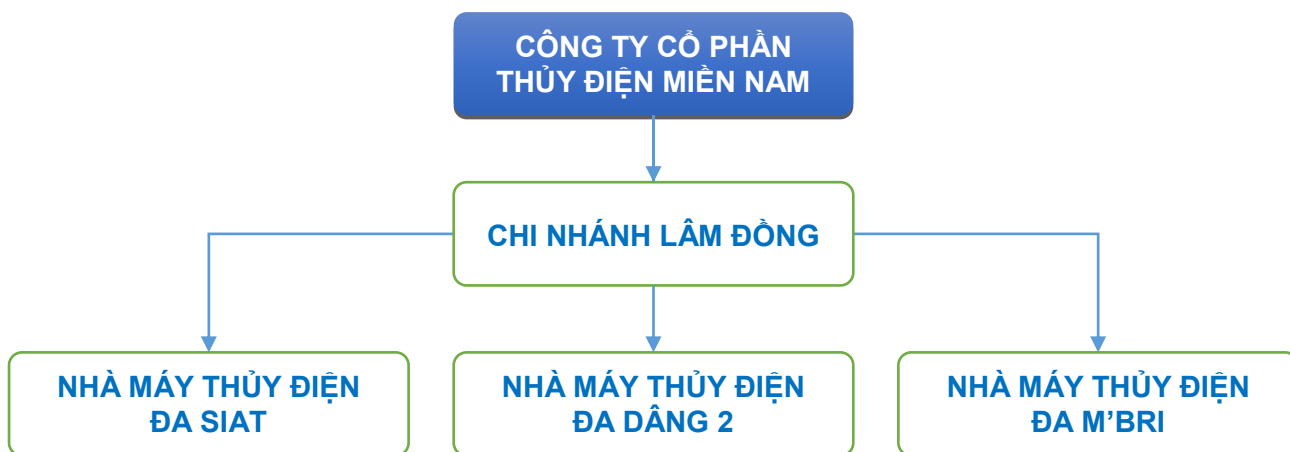
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam tiến hành tại các nhà máy thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng, khu vực Nam Tây Nguyên, nơi có thời tiết chia làm hai mùa rõ rệt là mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Khu vực này có lượng mưa rất cao và ổn định, sản lượng điện sản xuất vào mùa khô vẫn được duy trì 30% sản lượng điện cả năm, góp phần giảm bớt căng thẳng nhu cầu điện cho các tỉnh phía Nam.

Cả 3 nhà máy đều khai thác nguồn nước từ thượng nguồn các dòng sông/suối, do đó toàn bộ nguồn nước sẽ được cung cấp cho nhà máy mà không phải chia sẻ cho các dự án, công trình thủy lợi khác.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: (+84) 08-38207795 Fax: (+84) 08-38207794

Vốn điều lệ: 937.102.000.000 VNĐ

Chi nhánh Lâm Đồng

Địa chỉ: Căn 02, lô D5, Hồ Tùng Mậu, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Nhà máy thủy điện Đa Siat

Địa chỉ: Thôn 3 thị xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Sản phẩm: Điện thương phẩm

Công suất: 13,5MW

Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2

Địa chỉ: xã Tân Văn, huyện Lâm Hà và xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Sản phẩm: Điện thương phẩm

Công suất: 34MW

Nhà máy thủy điện Đa M'bri

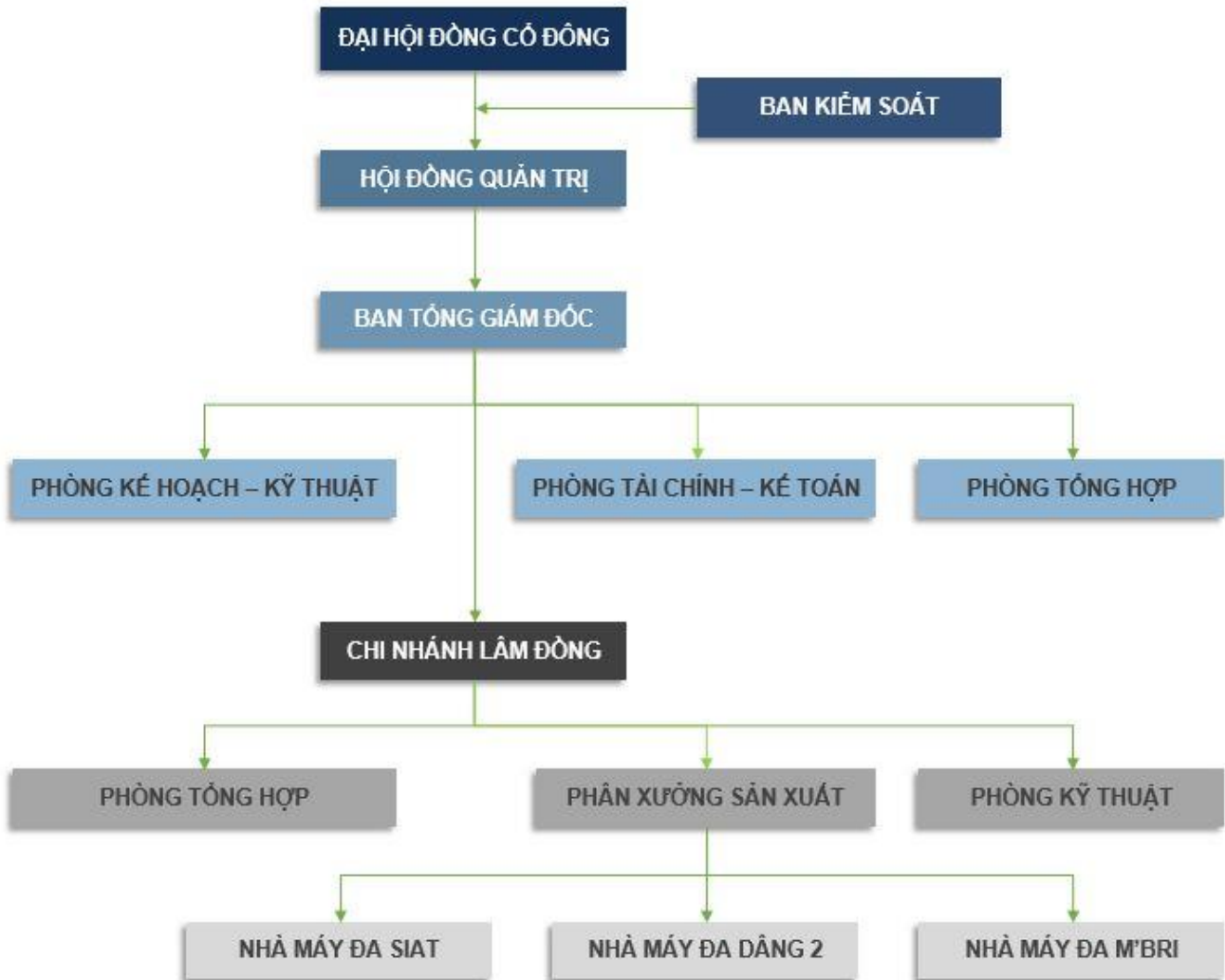
Địa chỉ: huyện Bảo Lâm, huyện Đa Huoai và huyện Đa Tẻh, tỉnh Lâm Đồng

Sản phẩm: Điện thương phẩm

Công suất: 75MW



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



“Bất kỳ thành công nào của một tổ chức cũng phải đi kèm với một giá trị cốt lõi. Với SHP, 10 năm không phải là một chặng đường dài, tuy nhiên nó đánh dấu những bước đi vững chắc của doanh nghiệp mà ở đó, sự chung sức đồng lòng của toàn thể người lao động cùng một đội ngũ lãnh đạo năng động, sáng tạo chính là giá trị cao đẹp nhất.”





GIỚI THIỆU NHÂN SỰ QUẢN LÝ CHỦ CHỐT



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Ông HỒ QUANG ÁI

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1958, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ngoài ra còn là kỹ sư chuyên ngành Hệ thống điện. Từ năm 1981 – 1993, ông công tác tại Sở Điện lực Đồng Tháp - Công ty Điện lực 2 với cương vị là Kỹ sư viên, sau đó là Phó phòng KHKT và Phó Giám đốc sở trước khi chuyển công tác sang làm Phó Giám đốc Sở Điện lực Tiền Giang – Công ty Điện lực 2 trong giai đoạn 1993 – 1995. Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng ban QLDALĐ Công ty Điện lực 2 từ tháng 08/1995 đến 2000 và là Giám đốc Công ty Điện lực Đồng Tháp trong giai đoạn 2000 – 2006. Hiện nay, ông nắm giữ hai vị trí quan trọng là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (EVNSPC) và Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Thủy Điện Miền Nam.

2. Ông TRỊNH PHI ANH

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1947, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, ngoài ra ông còn là kỹ sư điện và từng đảm nhận chức vụ giám đốc tại một số nhà máy thủy điện lớn như Nhà máy thủy điện Trị An từ năm 1997 đến 2000, Công ty thủy điện Đa nhim – Hàm Thuận – Đa Mi giai đoạn 2000 – 2007. Từ 2012 đến nay, ông Chuyên viên kiêm ủy viên HĐQT CTCP Thủy điện Miền Nam.





3. Ông NGUYỄN VĂN THỊNH

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1955, quốc tịch Việt Nam, ông là kỹ sư chuyên ngành điện. Năm 1991, ông công tác tại Công ty điện lực Đồng Nai với vai trò là Trưởng phòng kế hoạch – kỹ thuật và chuyển sang làm Trưởng phòng quản lý xây dựng tại Công ty Điện lực 2 năm 1998. Từ tháng 06/2007, ông đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Miền Nam và kiêm nhiệm chức Ủy viên HĐQT từ ngày 12/04/2012 đến nay.

4. Ông NGUYỄN VIỆT TUẤN

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1975, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành kinh tế và là hội viên hiệp hội Kiểm toán viên công chứng Việt Nam. Từ tháng 08/1997 đến 02/2000, ông là Kiểm toán viên cao cấp của Công ty PriceWaterhouseCoopers. Từ tháng 03/2000 đến 03/2007, ông công tác tại Công ty Deloitte Touche Tohmatsu với vai trò là Trưởng phòng kiểm toán cao cấp. Giai đoạn 04/2007 đến 06/2011, ông đảm nhiệm vai trò trong Ban điều hành của các Công ty như CTCP Địa ốc Oto Phương Trang, Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Vận tải Thiên Ân. Từ tháng 07/2011, ông làm việc tại Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính và kiêm nhiệm chức Ủy viên HĐQT CTCP Thủy điện Miền Nam từ tháng 03/2014 đến nay.

5. Ông LÊ CHÍ PHƯỚC

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1953, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp bằng Cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Từ tháng 09/1977, ông công tác tại Công ty điện lực TP. Cần Thơ, đảm nhiệm qua nhiều vai trò như Cán bộ phòng kỹ thuật sản xuất, Phó phòng tổ chức – hành chính – lao động, PPT Chánh văn phòng và là Chủ tịch công đoàn trước khi về hưu vào tháng 12/2012. Từ năm 2012 đến nay, ông là Thành viên HĐQT của CTCP Thủy điện Miền Nam.

6. Ông NGUYỄN HỮU PHƯƠNG

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1955, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế. Từ tháng 03/1978 đến 30/12/2006, ông công tác tại Công ty điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam), đảm nhiệm qua nhiều chức vụ như Cán bộ kế toán, Phó phòng tài chính kế toán – xí nghiệp xây lắp điện, Kế toán trưởng xí nghiệp, Trưởng phòng Tài chính kế toán xí nghiệp xây lắp điện, Kế toán trưởng. Từ ngày 01/01/2007, ông là Trưởng ban kế hoạch Tổng Công ty điện lực Miền Nam và kiêm nhiệm chức Ủy viên HĐQT tại CTCP Thủy điện Miền nam từ năm 2012.

7. Ông NGUYỄN VĂN DŨNG

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1963, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp bằng kỹ sư chuyên ngành điện. Từ tháng 01/2004 đến nay, ông công tác tại Công ty điện lực Lâm Đồng, trải qua nhiều chức vụ khác nhau như Phó phòng tổ chức hành chính, Trưởng phòng tổ chức hành chính và hiện là Phó





Giám đốc. Ông kiêm nhiệm chức Ủy viên HĐQT CTCP Thủy điện Miền Nam từ năm 2012 đến nay.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

1. Ông HOÀNG MINH DŨNG

Trưởng ban kiểm soát

Sinh năm 1966, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh và từng công tác tại phòng kế toán Công ty điện lực 2 từ năm 1987 đến năm 2010. Từ tháng 03/2010 đến 03/2011, ông đảm nhận vai trò Kiểm soát viên Tổng Công ty điện lực Miền Nam và hiện đang là Kế toán trưởng từ tháng 05/2011. Từ năm 2012, ông là thành viên Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam. Từ ngày 01/07/2014 ông giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam.

2. Ông THANG THANH HÀ

Thành viên BKS

Sinh năm 1962, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp bằng Kỹ sư chuyên ngành Thủy công – thủy điện và chuyên ngành hệ thống điện. Từ năm 1987 đến 1993, ông là kỹ sư Công ty tư vấn điện 3. Từ tháng 01/1994 đến nay, ông nắm giữ chức vụ Trưởng ban thanh tra bảo vệ Tổng công ty Điện lực Miền Nam. Ông đảm nhận vai trò Trưởng Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam từ năm 2012 và là Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 01/07/2014 đến nay.

3. Ông TÔ CÔNG THANH LỘC

Thành viên BKS

Sinh năm 1959, quốc tịch Việt Nam, ông tốt nghiệp bằng Kỹ sư điện và bằng Cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Từ năm 1982 đến 12/2008, ông công tác tại Công ty điện lực 2 (PC2). Từ 12/2009 đến nay, ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc CTCP Thiết bị điện VINASINO. Ông kiêm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam từ năm 2012 đến nay.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH:

1. Ông NGUYỄN VĂN THỊNH

Tổng Giám Đốc

(Xem thông tin phần Thành viên HĐQT)

2. Ông NGUYỄN DŨNG

Phó Tổng Giám Đốc

Sinh năm 1957, quốc tịch Việt Nam, tốt nghiệp bằng Kỹ sư. Từ năm 1982 đến 2003, ông công tác tại Công ty Thủy điện Đa nhim – Hàm Thuận – Đa Mi. Từ năm 2004 đến nay, ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Miền Nam.

3. Ông NGUYỄN VĨNH CHÂU

Phó Tổng Giám Đốc

Sinh năm 1961, quốc tịch Việt Nam, tốt nghiệp bằng Kỹ sư. Từ tháng 03/2005 đến 04/2007, ông là Trưởng phòng thẩm định chế độ dự toán ban quản lý ĐT xây dựng thủy lợi 10. Từ đó đến nay, ông đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc CTCP Thủy điện Miền Nam.





4. Bà **NGUYỄN THÀNH TÚ ANH**
Kế toán trưởng

Sinh năm 1977, quốc tịch Việt Nam, tốt nghiệp bằng Cử nhân chuyên ngành Kinh tế. Từ năm 2002 đến 2004, bà công tác tại phòng kế toán tài chính Công ty điện lực 2. Từ 2004 đến nay, bà giữ chức Kế toán trưởng CTCP Thủy điện Miền Nam.



TÂM NHÌN – SỨ MỆNH – CHIẾN LƯỢC



Tầm Nhìn

Phát triển Thủy điện Miền Nam thành một Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng tại Việt Nam với trọng tâm là đầu tư nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cung cấp năng lượng đi kèm với gìn giữ, bảo tồn môi trường sống.



Sứ Mệnh

- Góp phần đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định hơn nhu cầu về điện cho sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và khu vực miền nam nói riêng.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm với môi trường, với cộng đồng.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư cho khoa học – công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra nguồn năng lượng ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- Tạo lập một môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho công việc chung.



Chiến lược - Mục Tiêu

Xây dựng nền tảng cho sự phát triển lớn mạnh và bền vững của Công ty với các chiến lược cụ thể:

Mục tiêu

- Tiếp tục vận hành hiệu quả các nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'بری. Duy trì công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Hạn chế xảy ra sự cố trong mùa mưa và phát huy sản lượng điện trong mùa khô.
- Nghiên cứu phân tích hệ thống để nhà máy Đa M'بری tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ năm 2015.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nghiên cứu chuẩn bị để nhà máy Đa M'بری tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2016.
- Tìm kiếm, tham gia hoặc chuyển giao đầu tư một số dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.
- Đầu tư vào các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo khác như năng lượng gió, năng lượng mặt trời...

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Sau hơn 2 năm xây dựng và phát triển dự án theo cơ chế sạch (CDM), ngày 7/11/2014, Ban chấp hành quốc tế về cơ chế phát triển sạch (EB) đã chính thức cấp chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính ở giai đoạn tín dụng đầu tiên cho Dự án nhà máy thủy điện Đa Dâng với số lượng 212.197 CERs.
- Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục lập hồ sơ gửi cho Ban điều hành quốc tế về xây dựng và phát triển dự án theo cơ chế sạch (CDM) thẩm định, xét duyệt chứng chỉ CERs cho hai nhà máy Đa Siat và Đa M'بری.
- Tham gia trồng rừng, tái tạo môi trường tại khu vực nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 và Đa M'بری theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Thường xuyên tham gia các hoạt động khuyến học tại các huyện Đạhuoai, huyện Bảo Lâm và các xã thuộc diện vùng sâu, vùng xa còn khó khăn như Lộc Bắc, Lộc Tân, Đa M'بری.

"Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh phải đi đôi với trách nhiệm với môi trường, với cộng đồng".



STT	Một số hoạt động từ thiện của SHP năm 2014	Số tiền ủng hộ (đồng)
1	Hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo hiếu học Trường tiểu học Lộc Sơn 1 - Bảo Lộc.	5.000.000
2	Hỗ trợ xây nhà thi đấu bóng bàn cho thanh niên tại xã Tân Thành, Đức Trọng.	86.287.318
3	Ủng hộ chương trình "Tiếp sức đến trường" do Văn phòng báo Tuổi trẻ tại Lâm Đồng tổ chức.	50.000.000
Tổng cộng		141.287.318



Rủi ro đặc thù

Nhân tố quyết định đến sự phát triển của ngành thủy điện chính là nguồn nước. Những thời điểm hạn hán kéo dài sẽ làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại đối với các công trình của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Với những rủi ro này, Công ty đối mặt bằng cách tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, thiết lập phương án phòng chống lụt bão, sửa chữa những vị trí xung yếu, gia cố; thường xuyên cập nhật các thông tin thủy văn cũng như chỉ đạo của Chính phủ và các ban, ngành, địa phương nhằm điều chỉnh biểu đồ khai thác cho phù hợp, đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời.

Rủi ro về mặt kinh tế

Là một thành phần của nền kinh tế, Công ty cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng và chi phối của tình hình kinh tế đất nước nói chung và sự phát triển của ngành nói riêng. Bên cạnh đó, khả năng phát triển của Công ty còn bị chi phối và chịu sự ảnh hưởng bởi định hướng phát triển của chiến lược phát triển năng lượng tái tạo, xây dựng công trình thủy điện và nhu cầu tiêu thụ điện của đất nước qua từng thời kì.





Rủi ro về mặt pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức cổ phần, trở thành công ty đại chúng và giao dịch trên Thị trường Chứng khoán, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định liên quan đến đất đai môi trường... Ngoài ra, trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước, địa phương sẽ có những thay đổi hoặc triển khai các chế độ chính sách khác nhau đều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về an toàn lao động

Trong lĩnh vực xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện, với điều kiện lao động ngoài trời và trong hầm,... những rủi ro về địa chất là yếu tố đặc biệt được quan tâm trong quá trình thực hiện. Để hạn chế các rủi ro này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cũng như các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc. Thực hiện lập đầy đủ các quy trình, tài liệu kỹ thuật, huấn luyện kiểm tra sát hạch an toàn, biện pháp, kỹ thuật, tổ chức cán bộ giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành. Có hệ thống đảm bảo ngăn ngừa sự cố hoặc tai nạn xảy ra.

Rủi ro về vấn đề độc quyền

Cũng như các doanh nghiệp ngành điện khác, SHP cũng chịu sự ràng buộc của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN). EVN là tập đoàn thuộc sở hữu Nhà nước, được thành lập năm 1995, có chức năng điều hành sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Với chức năng đó, hầu như EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành, do đó các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều bất cập trong việc phát triển như:

- Chưa có cơ chế giá bán điện cho từng loại nhà máy dẫn đến việc đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN có khó khăn, thường kéo dài qua nhiều khâu.
- Giá bán điện chịu phụ thuộc vào tình hình tài chính của EVN, do đó xuất hiện nguy cơ giá EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi.
- Việc độc quyền của EVN ít nhiều gây hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài, do đó gây ảnh hưởng cho việc phát triển ngành điện, vốn yêu cầu chi phí đầu tư rất lớn.
- Ngoài ra việc Công ty được Trung tâm điều độ A0 xếp lịch phát điện vào giờ cao điểm, thấp điểm hay giờ bình thường quyết định giá bán điện cao hay thấp, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.





HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- ✔ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✔ Tổ chức và nhân sự
- ✔ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- ✔ Tình hình tài chính
- ✔ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn CSH





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

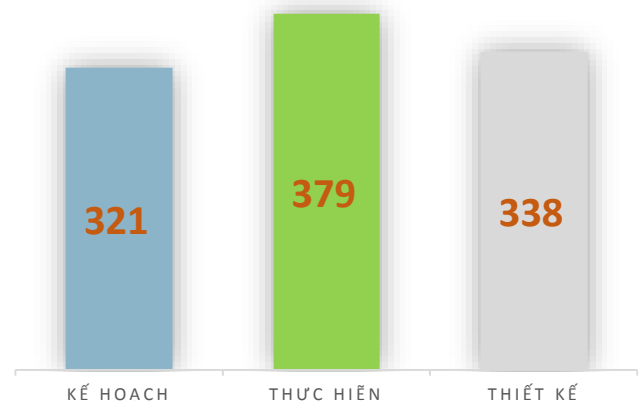
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% TH/KH 2014
Tổng sản lượng điện	kWh	552.000.000	662.869.050	120,1%
Doanh thu thuần	Đồng	497.900.220.000	596.443.770.547	119,8%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	82.861.203.681	226.441.348.548	273,3%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	78.446.796.421	220.112.612.575	280,6%

- Trong năm Công ty có nhiều thuận lợi về mọi mặt, đặc biệt là thời tiết và thủy văn, nhờ đó sản lượng của cả 3 nhà máy đều vượt kế hoạch đề ra.
- Tổ máy số 2 của nhà máy Đa M'brì đi vào hoạt động, nhà máy này có công suất lắp đặt gấp 1,58 lần tổng công suất lắp đặt của 2 nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2. Bên cạnh đó, giá bán điện của nhà máy Đa M'brì cũng khá cao, nhờ đó doanh thu được cải thiện mạnh.
- Sản lượng điện của nhà máy Đa Dâng 2; nhà máy Đa Siat được tăng lên dẫn đến tổng doanh thu cũng được tăng lên tương ứng, nhà máy Đa Siat đã được phát điện vào giờ cao điểm mùa khô của cơ chế chi phí tránh được nên có giá bán điện bình quân cao.
- Về hoạt động kinh doanh, các nhà máy vận hành tương đối ổn định, dù vẫn còn một số sự cố hư hỏng thiết bị và một vài vị trí của công trình bị sạt lở. Các sự cố xảy ra đã được Công ty kịp thời khắc phục đảm bảo vận hành an toàn cho nhà máy.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động trong công tác điều hành cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các Cơ quan, Ban, Ngành liên quan cũng như sự thông cảm, sẻ chia từ các cổ đông và còn có sự nỗ lực cố gắng của toàn thể người lao động trong Công ty.

NHÀ MÁY ĐA M'BRI: THIÊN THỜI – ĐỊA LỢI – NHÂN HÒA



SẢN LƯỢNG NHÀ MÁY ĐA M'BRI
(TRIỆU KWH)



Năm 2014 là một năm đầy thử thách với Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam khi lần đầu tiên nhà máy Đa M'brì đi vào vận hành. Dù tổ máy số 2 chỉ bắt đầu phát điện từ tháng 05 nhưng ban lãnh đạo vẫn đặt mục tiêu ở mức 321 triệu kWh, tương đương 95,0% công suất thiết kế.





Tuy nhiên, nhờ điều kiện thủy văn thuận lợi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, mùa mưa năm nay kéo dài hơn mọi năm, trong khi mùa khô vẫn thường xuyên có những cơn mưa trái mùa, nhà máy Đa M'brì đã xuất sắc vượt kế hoạch vào ngày 31/10/2014 với mức sản lượng 322,4 triệu kWh, trong khi mùa mưa ở khu vực Nam Tây Nguyên còn chưa kết thúc. Nhà máy tiếp tục duy trì ở sản lượng cao và về đích với mức lũy kế lên đến 378,5 triệu kWh, vượt cả công suất thiết kế 12,0%. Một hiệu suất hoạt động mà ít có nhà máy thủy điện nào có thể đạt được trong năm vận hành đầu tiên.

Nếu như yếu tố thời tiết, máy móc luôn luôn là điều kiện cần cho sự phát triển của bất kỳ doanh nghiệp thủy điện nào, thì phải nhắc tới yếu tố con người như một điều kiện đủ cho sự ổn định. Với sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể người lao động cùng sự dẫn dắt của ban lãnh đạo, nhà máy Đa M'brì đã đi vào hoạt động mà không gặp bất cứ sự cố nào, công tác vận hành luôn được đảm bảo với độ an toàn lên đến 100%.

NHÀ MÁY ĐA SIAT: BƯỚC ĐI VỮNG CHẮC

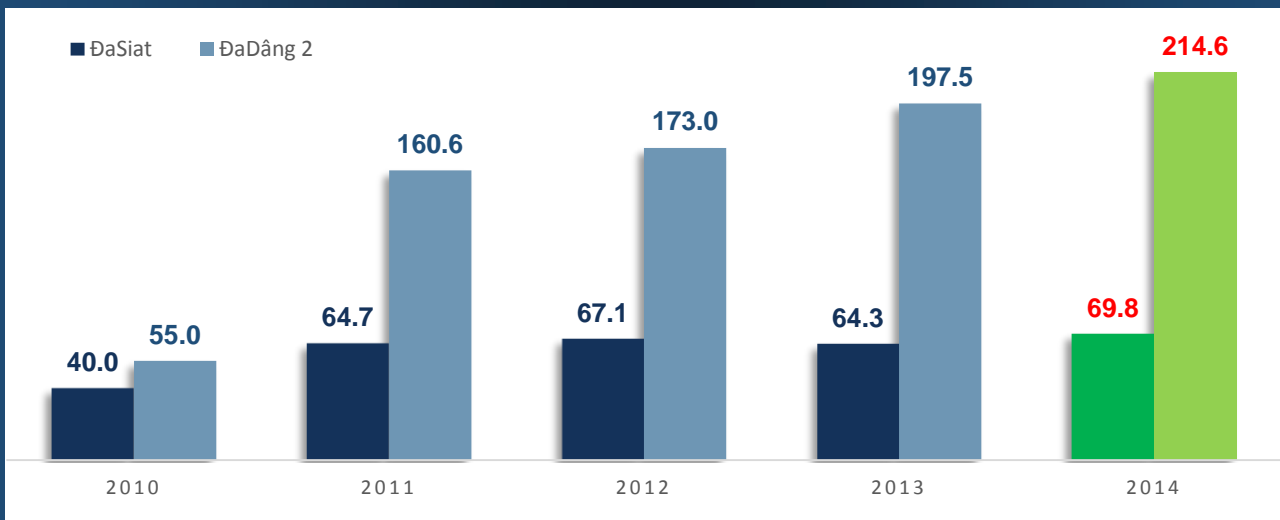
Năm 2014 có thể xem như một bước chạy đà thuận lợi với Đa M'brì trước khi tham gia thị trường điện thì với Đa Siat và Đa Dâng 2, câu chuyện năm 2014 là câu chuyện của sự phát triển vững chắc. Đa Siat và Đa Dâng 2 khởi đầu vào năm 2010 với thành tích không được sáng sủa như Đa M'brì, sản lượng chỉ đạt 40,0 và 55,0 triệu kWh, tương đương với 67,4% và 36,2% sản lượng thiết kế. Tuy nhiên sản lượng tăng trưởng mạnh mẽ 74,5% và 290,2% chỉ sau 5 năm.

Nhà máy Đa Siat đạt đỉnh sản lượng vào năm 2014 với 69,8 triệu kWh (+8,5% so với cùng kỳ), vượt 17% công suất thiết kế và hoàn thành 114% kế hoạch cả năm. Sản lượng giai đoạn 2011 – 2014 tương đối ổn định, bình quân lên đến 66,4 triệu kWh, bỏ xa bước khởi đầu không mấy khả quan ở năm 2010.

NHÀ MÁY ĐA DÂNG 2: MỖI NĂM MỘT KỶ LỤC

Tháng 09/2010, nhà máy Đa Dâng 2 bước vào giai đoạn chạy thử thách trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, hạn hán kéo dài trên cả nước, ảnh hưởng trầm trọng đến hoạt động sản xuất của các nhà máy thủy điện trên cả nước. Kết thúc năm, sản lượng điện thương phẩm của Đa Dâng 2 ở mức rất khiêm tốn, chỉ 55,0 triệu kWh. Tuy nhiên cũng như Đa Siat, bước khởi đầu không thuận lợi chỉ làm tăng thêm quyết tâm cho toàn bộ tập thể SHP.

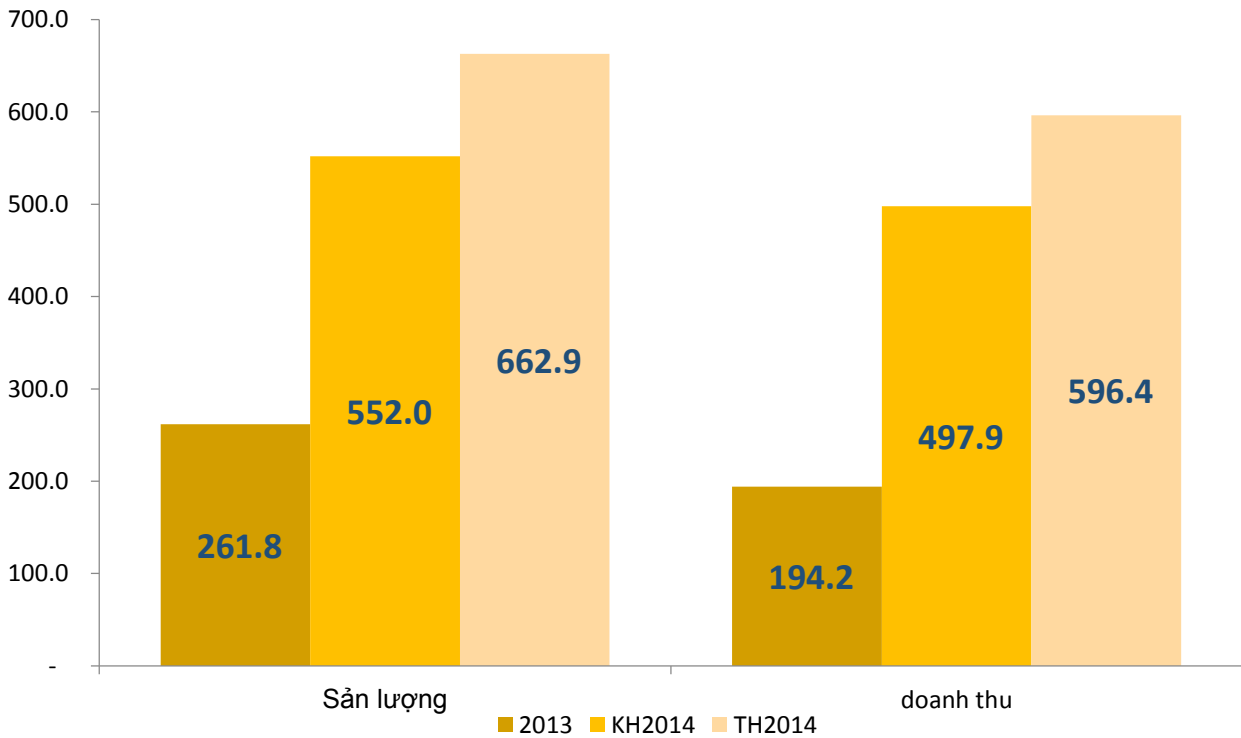
Trong suốt 5 năm vận hành, mỗi năm trôi qua là một kỷ lục sản lượng mới được lập ra với Đa Dâng 2. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn này lên đến 290,2% và đạt đỉnh điểm 214,6 triệu kWh năm 2014, tương đương với 141,1% công suất thiết kế, một hiệu suất hoạt động mà ít nhà máy thủy điện nào có thể đạt được.





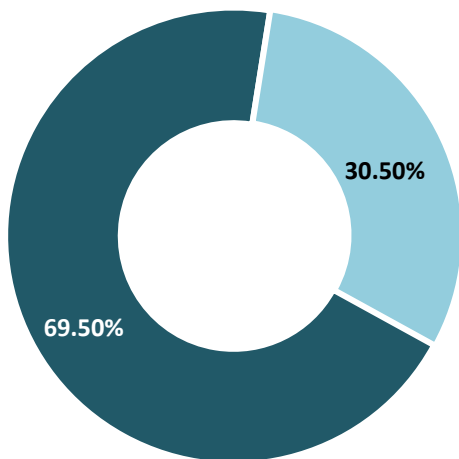
TĂNG TRƯỞNG DOANH THU, LỢI NHUẬN

Tổng doanh thu năm 2014 của Công ty đạt 596,443 tỷ đồng, tăng trưởng 207,3% so với cùng kỳ nhờ tình hình sản xuất vô cùng thuận lợi của cả 3 nhà máy. Kết thúc năm, SHP xuất sắc hoàn thành 119,8% kế hoạch doanh thu cả năm.



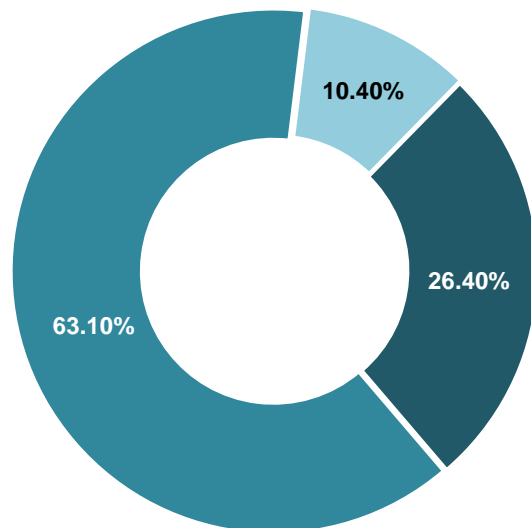
Nếu như năm 2013, hoạt động kinh doanh của SHP phần lớn dựa vào sản lượng từ nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 thì năm 2014, nhà máy Đa M'bri đi vào hoạt động không những là một bước nhảy vọt về quy mô, mà còn thay đổi toàn bộ cơ cấu sản lượng, cơ cấu doanh thu của SHP. Cụ thể, với công suất gấp khoảng 1,6 lần 2 nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2, nhà máy Đa M'bri đã đóng góp đến 63,1% tổng doanh thu của SHP trong năm.

CƠ CẤU DOANH THU 2013



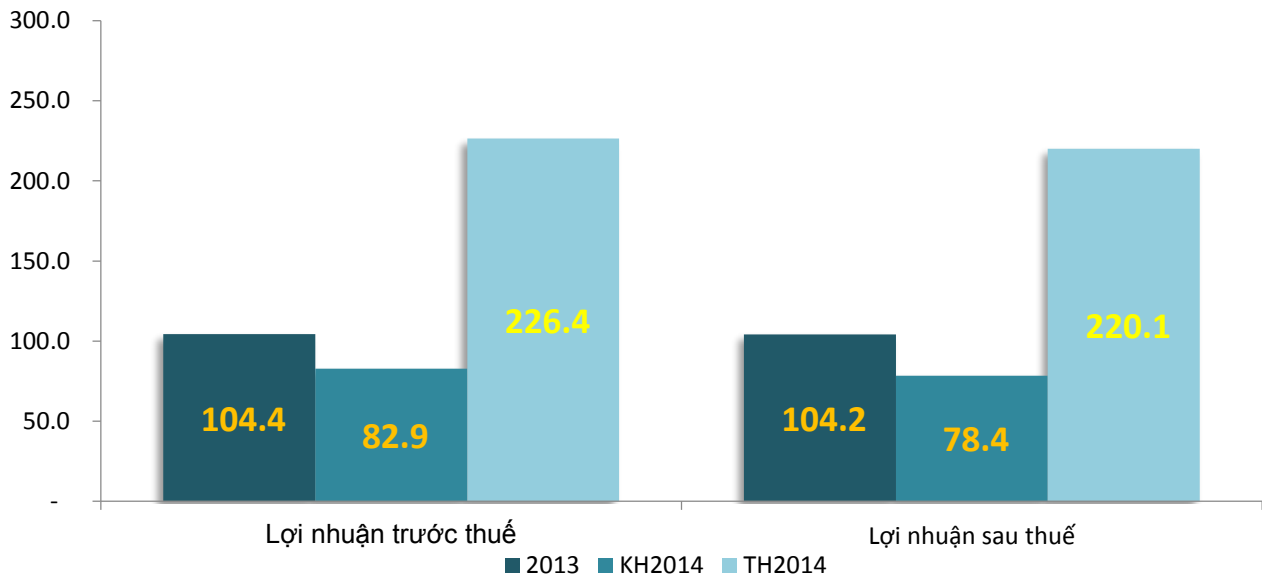
■ Đa Siat ■ Đa Dâng 2 ■ Đa M'bri

CƠ CẤU DOANH THU 2014





- Năm 2014, việc đưa nhà máy Đa M'brì vào hoạt động cùng với việc niêm yết cổ phiếu trên sàn HOSE đem lại rất nhiều thuận lợi nhưng cũng đi kèm với đó là không ít những thách thức cho Công ty. Đó là thách thức về vận hành, là đòi hỏi nâng tầm trong quản lý, là áp lực lãi vay,...
- Trong năm đầu hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp thủy điện nào, chi phí khấu hao, chi phí lãi vay luôn là những khoản chi phí cao nhất, SHP cũng không phải ngoại lệ. Chi phí khấu hao năm 2014 tăng gấp 3,2 lần so với năm 2013 lên 151,9 tỷ đồng. Chi phí lãi vay cũng tăng vọt từ 11,0 tỷ đồng lên 126,7 tỷ đồng.
- Tuy nhiên, hoạt động quản lý doanh nghiệp cũng được doanh nghiệp đặc biệt quan tâm nhằm mục tiêu không chỉ tăng trưởng về quy mô mà còn đi kèm với an toàn, hiệu quả. Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm cũng tăng gấp đôi lên 27,5 tỷ đồng, nhờ các khoản chi được kiểm soát tốt giúp SHP hoàn thành các chỉ tiêu lợi nhuận một cách ấn tượng.
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cả năm đạt 226,4 tỷ đồng, tăng 116,9% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 273,3% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 220,1 tỷ đồng, hoàn thành đến 273,3% chỉ tiêu lợi nhuận.



" Trích lời cảm ơn: Năm 2014 là một năm đáng nhớ đối với tập thể Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam khi liên tục gặt hái được những thành công, hoàn thành xuất sắc tất cả các kế hoạch đề ra. Có được thành quả như vậy không chỉ nhờ thuận lợi về mặt điều kiện thủy văn, về giá bán, về máy móc vận hành ổn định,... mà còn nhờ công rất lớn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động trong công tác điều hành cùng sự quan tâm giúp đỡ của các Cơ quan, Ban, Ngành liên quan cùng sự thông cảm, sẻ chia từ các cổ đông và sự nỗ lực cố gắng không ngừng nghỉ của toàn thể người lao động của Công ty."

1 TỶ KWH là mốc son đầu tiên mà SHP đạt được chỉ trong 10 năm xây dựng và vận hành





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ TRONG NĂM

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2014: **116 người**

YẾU TỐ	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ
Số nhân sự trong công ty	116	100%
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Trên đại học	2	1,72%
- Đại học	40	34,48%
- Cao đẳng	19	16,38%
- Trung học chuyên nghiệp	22	18,97%
- Sơ cấp và CN kỹ thuật	30	25,86%
- Lao động phổ thông	3	2,59%
Phân theo đối tượng lao động		
- Lao động trực tiếp	50	43,10%
- Lao động gián tiếp	66	56,90%
Phân theo hợp đồng lao động		
- Hợp đồng xác định thời hạn	7	6,03%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	109	93,97%
Phân theo giới tính		
- Nam	97	83,62%
- Nữ	19	16,38%
Lương bình quân/ quỹ tiền	15.852.144 VNĐ	





THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2014

Trong năm 2014, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Môi trường làm việc

CTCP Thủy điện Miền Nam luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho công việc chung. Các chính sách của công ty luôn hướng về tinh thần đoàn kết giữa ban điều hành với người lao động cũng như giữa người lao động với nhau. Điều này giúp cho tinh thần làm việc của công ty luôn đạt hiệu suất cao nhất.

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

- Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo được Công ty coi trọng, Công ty thường xuyên mở lớp đào tạo ngắn ngày về giám sát công trình, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế,... và đào tạo cho lực lượng chuẩn bị sản xuất, vận hành máy giúp cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn.
- Chính sách tiền lương: Đối với chế độ tiền lương, Công ty tuân thủ theo Luật Lao động và Quy chế nâng bậc lương của Công ty đã ban hành.
- Chế độ đãi ngộ và khen thưởng: Công ty thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép, v.v cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ thưởng bằng tiền mặt vào các ngày lễ lớn trong năm và thưởng lương tháng 13 và các khoản thu nhập bổ sung dịp Tết Nguyên đán hàng năm.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2014

“ TRONG NĂM CÔNG TY KHÔNG CÓ DỰ ÁN MỚI ĐỂ ĐẦU TƯ ”





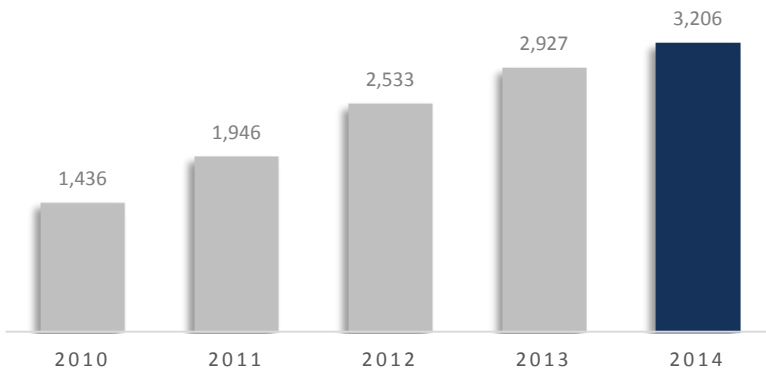
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA CÔNG TY

Tình hình tài sản

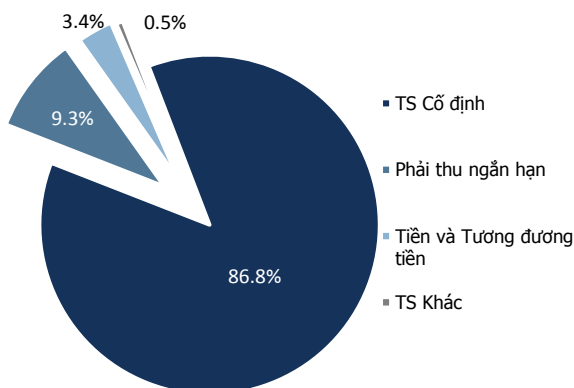
Chỉ tiêu	31/12/2014 (đồng)	31/12/2013 (đồng)	% tăng giảm	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2013
Tài sản ngắn hạn	421.547.858.948	252.950.023.409	66,7%	13,2%	8,6%
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.431.742.724	23.466.189.713	357,8%	3,4%	0,8%
Hàng tồn kho	1.631.686.117	1.204.273.069	35,5%	0,1%	0,04%
Các khoản phải thu ngắn hạn	296.404.270.847	217.499.628.662	36,3%	9,3%	7,4%
Tài sản dài hạn	2.784.105.013.751	2.673.604.567.210	4,1%	86,9%	91,4%
Tài sản cố định	2.781.629.343.176	2.672.453.740.816	4,1%	86,8%	91,3%
Chi phí xây dựng CBDD	10.129.038.952	2.070.136.983.461	-99,5%	0,3%	70,7%
TỔNG TÀI SẢN	3.205.652.872.699	2.926.554.590.619	9,5%	100%	100%

Tổng tài sản của SHP tại ngày 31/12/2014 là 3.205,7 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2013 là 2.926,6 tỷ đồng. Lượng tiền của Công ty tăng mạnh 357,8% so với cùng kỳ năm 2013 (107,4 / 23,5 tỷ đồng) nhờ ghi nhận khoản tiền bán điện từ nhà máy Đa M'bri. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng ghi nhận mức tăng 109,7 tỷ đồng tài sản cố định chủ yếu do công tác quyết toán chi phí xây dựng dở dang từ Nhà máy thủy điện Đa M'bri.



22,2% CAGR_ Tỷ lệ tăng trưởng bình quân từ năm 2010 – 2014

Cơ cấu Tài sản SHP ngày 31/12/2014



Tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản.

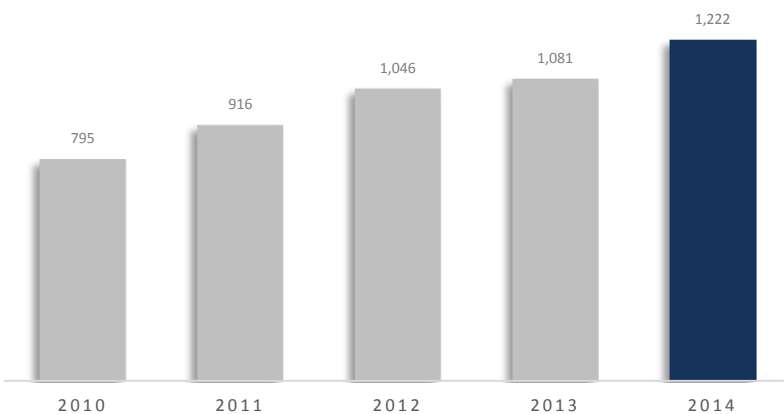
Đây là đặc trưng của tất cả các doanh nghiệp thủy điện nói chung, tuy nhiên tỷ trọng tài sản này ở SHP là khá lớn (lên đến 86,8% tổng tài sản) do các nhà máy chỉ mới đi vào hoạt động được ít năm, hầu hết tổng khấu hao lũy kế chưa nhiều. Các tài sản khác chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn với tỷ trọng 9,3%.



Tình hình nguồn vốn

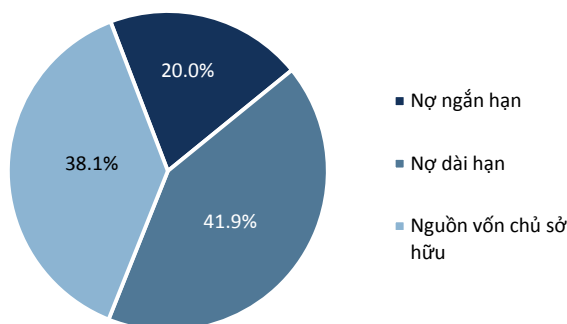
Chỉ tiêu	31/12/2014 (đồng)	31/12/2013 (đồng)	% tăng giảm	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2013
Tổng nợ phải trả	1.983.874.613.839	1.845.752.063.874	7,5%	61,9%	63,1%
Nợ ngắn hạn	640.220.073.036	591.505.261.327	8,2%	20,0%	20,2%
Nợ dài hạn	1.343.654.540.803	1.254.246.802.547	7,1%	41,9%	42,9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.221.778.258.860	1.080.802.526.745	13,0%	38,1%	36,9%
Vốn điều lệ	937.102.000.000	937.102.000.000	0,0%	29,2%	32,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	284.676.258.860	143.700.526.745	98,1%	8,9%	4,9%
Tổng nguồn vốn	3.205.652.872.699	2.926.554.590.619	9,5%	100%	100%

Khoản nợ phải trả của SHP năm 2014 là 1.983,9 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2013 (1.983,9 / 1.845,8 tỷ đồng). Nguyên nhân chính là khoản nợ vay dài hạn tăng 89,4 tỷ đồng so với cùng kỳ nhằm mục đích tái cơ cấu lại khoản vay thực hiện Dự án Đa M'bri. Cụ thể, SHP đã thanh toán một phần nợ gốc vay cho Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng (692,7 tỷ đồng), Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng _ VPBank HCM (50 tỷ đồng) và đồng thời ký Hợp đồng tín dụng mới với Ngân hàng ngoại thương – HCM làm tổng dư nợ tăng thêm 874,6 tỷ đồng.



11,4 % CAGR _ Tỷ lệ tăng trưởng bình quân từ năm 2010 – 2014

Cấu trúc Nguồn vốn SHP ngày 31/12/2014



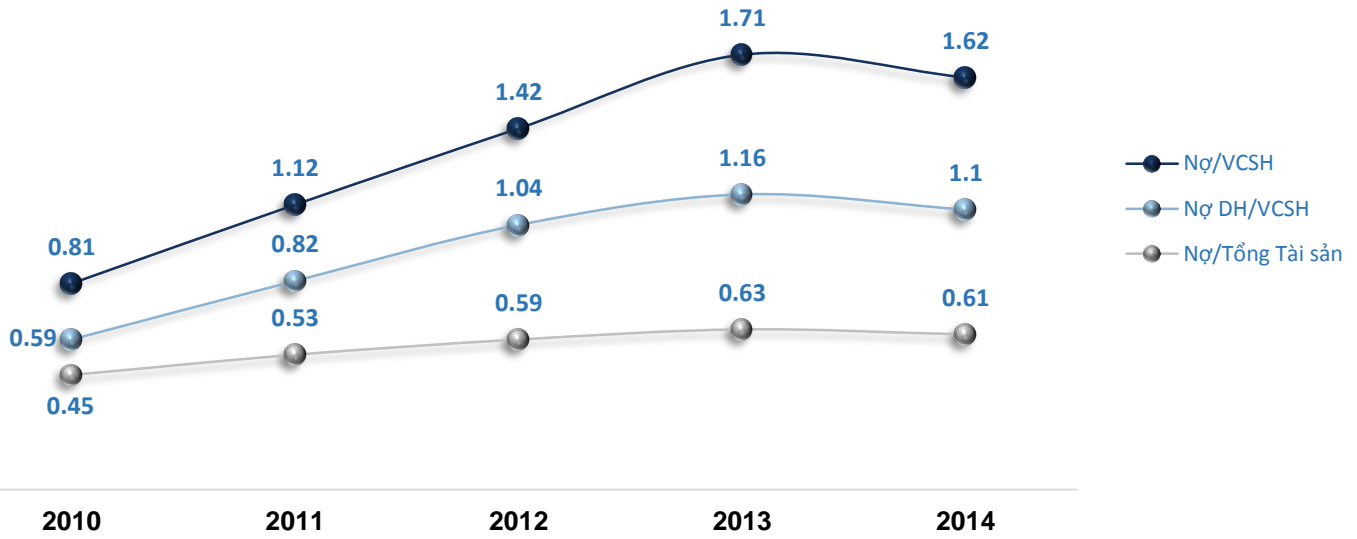
Vốn chủ sở hữu của SHP năm 2014 đạt 1.221,8 tỷ đồng, tăng 13,0% so với năm 2013, trong đó vốn điều lệ là 937,1 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng vốn chủ sở hữu bình quân từ năm 2010 đến năm 2014 là 11,2%. Đặc trưng của các doanh nghiệp ngành điện là chi phí đầu tư xây dựng rất lớn, do đó, ngoài vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp luôn phải huy động thêm nợ vay. Những năm gần đây, cơ cấu nguồn vốn có xu hướng tăng tỷ trọng của nợ vay để đầu tư cho dự án Đa M'bri.

Từ năm 2014, nhà máy Đa M'bri bắt đầu đi vào hoạt động và đem lại lợi nhuận, cơ cấu nguồn vốn ngay lập tức thay đổi ngược lại với xu hướng những năm trước. Cụ thể tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu đã giảm mạnh từ 1,71 lần ở năm 2013 xuống còn 1,62 lần trong năm 2014. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng trong năm 2014 là nhờ bổ sung doanh thu từ nhà máy Đa M'bri đã giúp Công ty có thể trả đầy đủ và đúng hạn khoản vay, lợi nhuận để lại để tái đầu tư cao trong khi mức cổ tức phân chia hàng năm cho các cổ đông vẫn được đảm bảo.

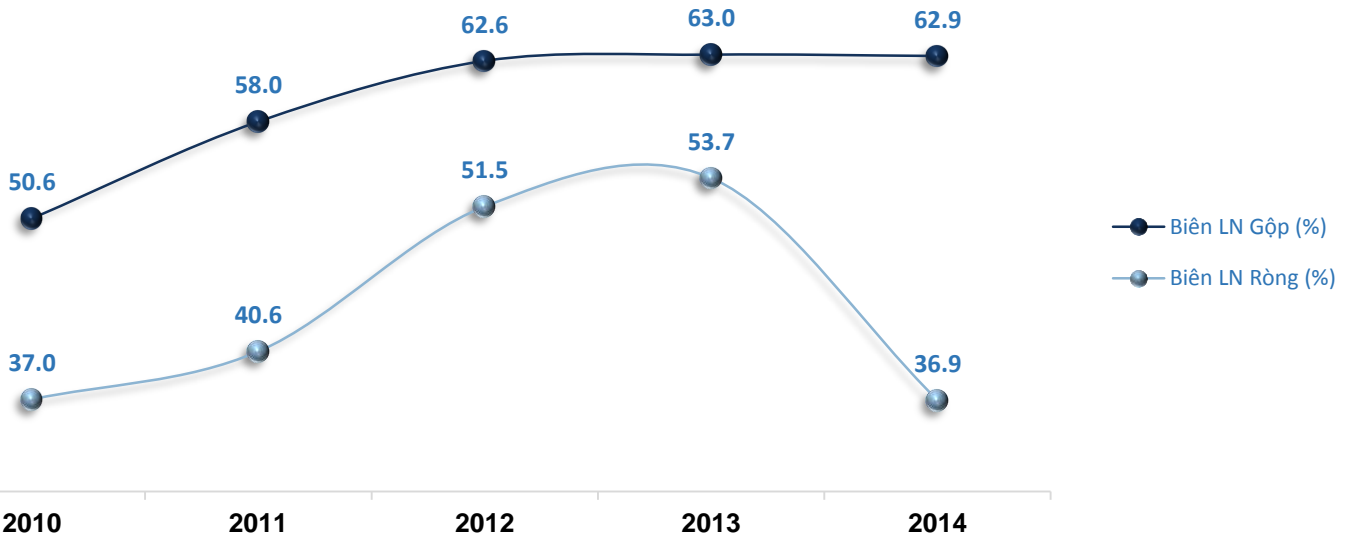




ĐÒN BẦY TÀI CHÍNH



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Các chỉ số về hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHP đều đạt mức cao và tăng trưởng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2013. Tuy nhiên khi nhà máy Đa M'brì đi vào vận hành từ năm 2014, chi phí lãi vay cùng chi phí khấu hao cao làm cho biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng của SHP bị giảm sút so với năm 2013. Đây là đặc điểm chung của các doanh nghiệp thủy điện do các chi phí phát sinh luôn cao nhất ở những năm đầu hoạt động, tỷ lệ này sẽ dần dần được cải thiện trong những năm tiếp theo, khi chi phí lãi vay giảm cũng như sản lượng cao và ổn định hơn.

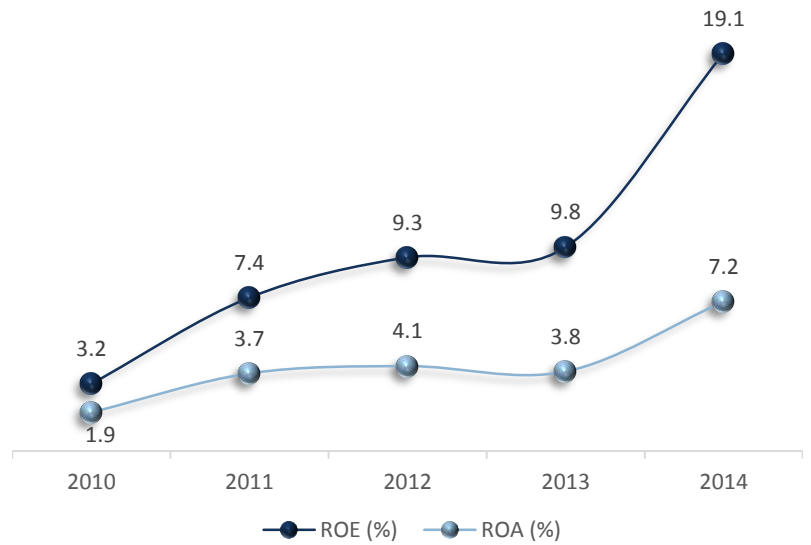




KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ số về khả năng sinh lời trong giai đoạn 2010 – 2013 khi chi phí vốn đầu tư cho nhà máy Đa M'brì cao. Tuy nhiên các chỉ số này đều được cải thiện mạnh khi nhà máy này đi vào vận hành năm 2014. Cụ thể suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu đã tăng gần gấp đôi từ mức 9,8% năm 2013 lên 19,1% trong năm 2014, bên cạnh đó tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản cũng tăng từ 3,8 % lên 7,2%. Mức tăng trưởng cao liên tục những năm gần đây, ngay cả khi tình hình kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn cho thấy việc sử dụng vốn chủ sở hữu và tài sản của Công ty đang đi đúng hướng và tăng trưởng về hiệu quả.

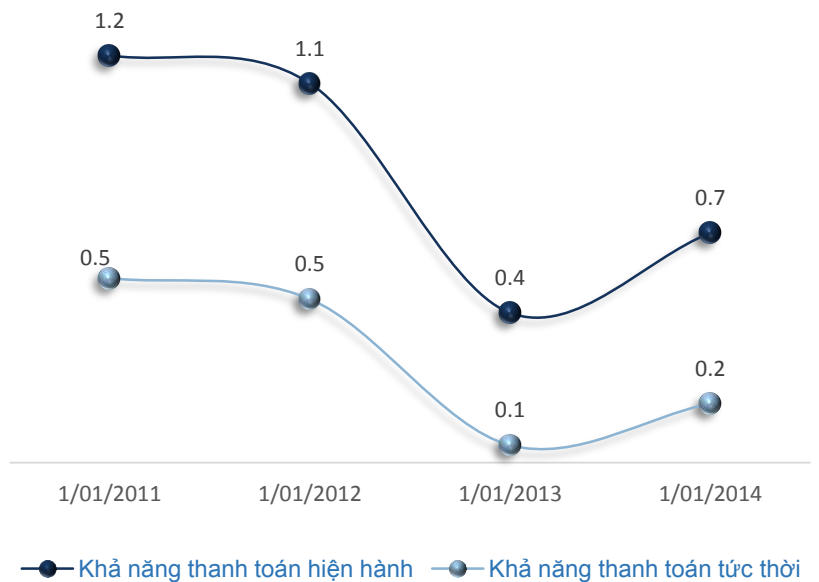
Khả năng sinh lời của SHP



KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Khả năng thanh toán của SHP đang có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây, đặc biệt là năm 2013 khi chỉ số thanh toán hiện hành sụt giảm mạnh so với 2012. Tổng giá trị tài sản ngắn hạn của SHP trong năm 2013 có sự sụt giảm mạnh, đặc biệt ở khoản mục tiền và tương đương tiền (giảm 87,2% so với 2012 xuống chỉ còn 23 tỷ đồng) do doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn bên ngoài, phải sử dụng nguồn tiền tự có để chi trả cho việc hoàn thành dự án Đa M'brì, bên cạnh đó cũng huy động thêm 94,4 tỷ nợ ngắn hạn (tăng 49% so với năm 2012).

Khả năng thanh toán của SHP



Tuy nhiên đây chỉ là yếu tố mang tính tạm thời. Năm 2014, khi dự án nhà máy Đa M'brì chính thức vận hành, các chỉ số về khả năng thanh toán của SHP đều đã được cải thiện rõ rệt so với 2013.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (ngày 31/12/2014)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu			Tỷ lệ sở hữu
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông Nhà nước	45.784.358	-	45.784.358	48,86%
II	Cổ đông nội bộ	64.740.071	221.741	64.961.812	69,32%
III	Cổ đông trong nước	92.754.849	264.041	93.018.890	99,26%
	Cá nhân	26.008.701	264.041	26.272.742	28,04%
	Tổ chức	66.746.148	-	66.746.148	71,23%
IV	Cổ đông nước ngoài	691.310	-	691.310	0,74%
	Cá nhân	61.710	-	61.710	0,07%
	Tổ chức	629.600	-	629.600	0,67%
	Tổng cộng	93.446.159	264.041	93.710.200	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	45.784.358	457.843.580.000	48,86%
2	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	18.950.713	189.507.130.000	20,22%
	Tổng cộng			69,08%

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ (Không có)

“TỌA ĐÀM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CŨNG NHƯ GIỚI THIỆU CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU

SHP”





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ✓ Kết quả sản xuất kinh doanh
- ✓ Cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách
- ✓ Kế hoạch phát triển tương lai
- ✓ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán





KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng	2013	2014	So với 2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.095.070.219	596.443.770.547	207,29%
Các khoản giảm trừ	-	-	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.095.070.219	596.443.770.547	207,29%
Giá vốn hàng bán	71.781.996.046	221.140.126.250	208,07%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.313.074.173	375.303.644.297	206,84%
Doanh thu hoạt động tài chính	6.441.416.917	5.363.586.824	-16,73%
Chi phí tài chính	11.045.801.598	126.737.165.755	1.047,38%
Trong đó: Chi phí lãi vay	11.045.801.598	126.737.165.755	1.047,38%
Chi phí bán hàng		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.404.815.968	27.511.412.831	90,99%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	103.303.873.524	226.418.652.535	119,18%
Thu nhập khác	1.075.402.001	2.358.186.155	119,28%
Chi phí khác	3.137.730	2.335.490.142	74.332,48%
Lợi nhuận khác	1.072.264.271	22.696.013	-97,88%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.376.137.795	226.441.348.548	116,95%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	158.126.296	6.328.735.973	3.902,33%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	104.218.011.499	220.112.612.575	111,20%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.112	2.349	111,20%

Kết thúc năm 2014, Ban Giám Đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông 2014 đã giao phó. Cụ thể: Doanh thu bán hàng đạt giá trị 596 tỷ đồng, tăng 207,29% so với năm 2013 (194 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng so với năm 2013 lần lượt là 116,95% và 111,20%. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 2.349 đồng, tăng 111,20% so với năm 2013. Kết quả này có được là nhờ sự nỗ lực đáng khích lệ của toàn thể cán bộ, nhân viên toàn công ty.

EPS 2.349 đ

**ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN****S**

Điểm mạnh: Ngành điện là một trong số những ngành trọng điểm quốc gia trong quá trình hội nhập và phát triển. Ngành luôn nhận được sự quan tâm không chỉ Nhà nước mà còn chính người dân, những người tiêu dùng cuối cùng của sản phẩm. Mặt khác, Công ty được điều hành và tổ chức hợp lý bởi Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Nhân viên nỗ lực, phấn đấu cùng nhau vì sự phát triển chung của Công ty.

W

Điểm yếu: Vốn đầu tư vào ngành còn hạn chế, trình độ nguồn nhân lực và công nghệ chưa phát triển phù hợp với nhu cầu tiêu dùng.

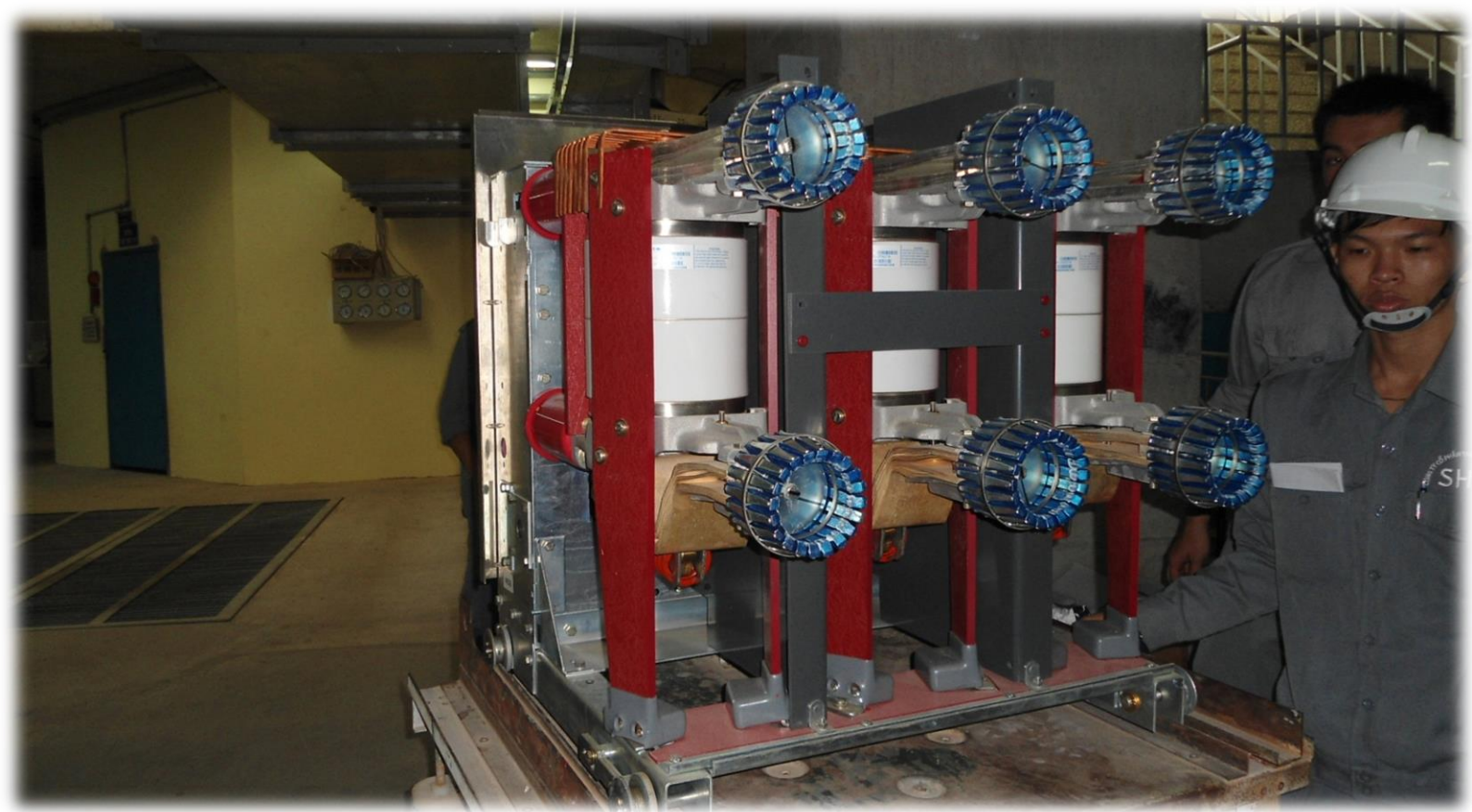
O

Cơ hội: Trong điều kiện thời tiết diễn biến thuận lợi tạo điều kiện tích nước cho các hồ chứa. Việt Nam có hệ thống sông ngòi dày đặc, thuận lợi cho việc phát triển thủy điện.

T

Thách thức: Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn, nguồn vốn vay từ Ngân hàng gặp nhiều hạn chế. Ngoài ra, trong điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, các nguồn nhiên liệu như than, khí, dầu ngày càng khó tìm kiếm, thăm dò và khai thác.

**CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH***(Không có)***KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI***(Không có)***GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN***(Không có)*



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Đánh giá của Hội đồng quản trị
- ✓ Đánh giá của HĐQT về Ban Giám Đốc
- ✓ Kế hoạch và định hướng của HĐQT





Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá toàn diện và hầu hết vượt qua các chỉ tiêu đề ra. Lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý, nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất và bắt đầu tiến trình phục hồi tăng trưởng. Trong bối cảnh chuyển mình chung của nền kinh tế, HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty, đã thể hiện sự quyết tâm chỉ đạo để Công ty phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của năm 2014.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Đối với việc đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đa M'Bri: Tiếp nối những thành quả trong năm 2013, Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể người lao động đã nỗ lực phấn đấu để đưa tổ máy cuối cùng của nhà máy Thủy điện Đa M'Bri đã phát điện hòa lưới quốc gia thành công vào tháng 05/2014, không những thế nhà máy còn xuất sắc hoàn thành kế hoạch sản lượng đề ra sớm hơn 2 tháng, khi mà mùa mưa ở khu vực còn chưa kết thúc.
- Với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tại hai nhà máy thủy điện Đa Siat và Đa Dâng 2, trong năm 2014 thủy văn thuận lợi do đó cả sản lượng và doanh thu của 2 nhà máy này cũng đạt vượt mức so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 của Công ty đã đạt 220,11 tỷ đồng.
- Nhờ công tác chuẩn bị chu đáo và có định hướng, cổ phiếu SHP của Công ty đã chính thức chuyển sang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/07/2014.
- Qua kết quả trên, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam hoàn thành nhiệm vụ năm 2014 và để có thể thực hiện các mục tiêu của năm 2014, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động trong công tác điều hành cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các Cơ quan, Ban, Ngành liên quan cũng như sự thông cảm, sẻ chia từ các cổ đông và còn có sự nỗ lực cố gắng của toàn thể người lao động trong Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc Công ty trong công tác điều hành đã bám sát Nghị quyết của HĐQT thực hiện theo đúng phân cấp, phân quyền theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông định kỳ thường niên và Nghị quyết của HĐQT. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Tổng Giám đốc điều hành Công ty xin ý kiến của HĐQT kịp thời để tổ chức thực hiện.
- Nhìn chung, trong năm 2014 Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, điều hành Công ty hiệu quả, tiết kiệm, đúng pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác chính quyền địa phương và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng như đảm bảo chính sách cho nhân sự của Công ty.





KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Định hướng của HĐQT trong năm 2015:

Năm 2015, Công ty phải phân đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu đã đặt ra. HĐQT đánh giá rằng trong năm 2015, sẽ là thách thức với Công ty khi đặt ra trọng trách đưa nhà máy Đa M'bri lần đầu tiên tham gia thị trường phát điện cạnh tranh một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác bảo trì, bảo dưỡng các tổ máy của nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2 cũng phải được đôn đốc, theo dõi nhằm nhanh chóng đưa các tổ máy này đi vào sản xuất trở lại trong điều kiện an toàn, ổn định và tiết kiệm chi phí.

2. Kế hoạch tổng quát:

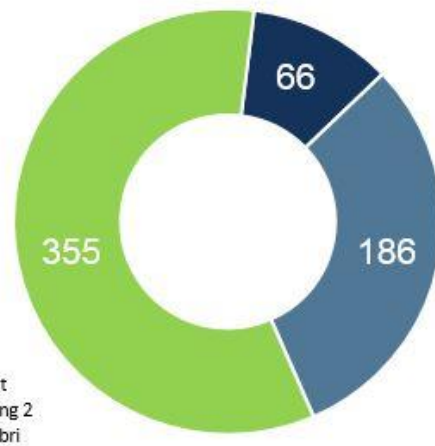
- Phân đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu của năm 2015.
- Đưa nhà máy Đa M'bri tham gia thị trường phát điện cạnh tranh hiệu quả.
- Hoàn thành công tác bảo trì, bảo dưỡng các tổ máy của nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận

Sau khi phân tích lựa chọn phương án sản lượng các nhà máy cho năm 2015 phù hợp với điều kiện chung và thực tế qua các năm vận hành, HĐQT đề xuất kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Tổng doanh thu	554,560
Doanh thu từ hoạt động SXKD	553,600
Doanh thu từ hoạt động tài chính	1
Thu nhập khác	0
Tổng chi phí	408,790
Chi phí khấu hao	176,910
Chi phí lãi vay	126,980
Chi phí hoạt động	53,340
Thuế tài nguyên	36,630
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	12,140
Lợi nhuận trước thuế	145,770
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5,8
Lợi nhuận sau thuế 2015	139,970

Đơn vị tính: tỷ đồng



Kế hoạch sản lượng

Nhà máy	Sản lượng
Đa Siat	66
Đa Dâng 2	186
Đa M'bri	355
Tổng cộng	607

Đvt: Triệu kWh





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách Hội Đồng Quản Trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/08/2014
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT	
3	Ông Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên HĐQT	
4	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Việt Tuấn	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/03/2014
6	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	
7	Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT	

Những thay đổi trong thành viên HĐQT trong năm 2014

1. Ông Nguyễn Việt Tuấn thay thế bà Trịnh Thị Tuyết Minh làm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.

Căn cứ mục e khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty, kể từ ngày 07/03/2014 ông Nguyễn Việt Tuấn tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty thay thế bà Trịnh Thị Tuyết Minh do ông Nguyễn Việt Tuấn thay thế bà Trịnh Thị Tuyết Minh đại diện vốn của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước Giải khát Sài Gòn (Sabeco) tại Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Ngày 28/03/2014 ông Nguyễn Việt Tuấn đã được Đại hội Đồng Cổ đông bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị chính thức.

2. Ông Hồ Quang Ái thay thế Ông Nguyễn Thành Duy làm Thành viên HĐQT – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Kể từ ngày 01/08/2014, ông Hồ Quang Ái làm thành viên HĐQT – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam thay thế ông Nguyễn Thành Duy do ông Hồ Quang Ái thay thế ông Nguyễn Thành Duy đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.



Nâng cao công tác quản trị điều hành công ty theo định hướng chuyên nghiệp hiện đại và ứng dụng các các hình thức quản trị tiên tiến là yếu tố làm nên sự thành công của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014:

Trong năm 2014, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám Đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty các vấn đề như sau:

- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 và giám sát việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.





- Chỉ đạo giám sát đưa tổ máy 2 nhà máy ĐaM'ri vào vận hành ngày 20/05/2014.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo triển khai việc chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty từ sàn giao dịch Upcom sang sàn giao dịch Hose.
- Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2013.
- Thực hiện giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao. Do đó, Công ty đã đạt được kết quả tốt năm 2014. Doanh thu thuần đạt 596,443 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 226,441 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đời sống CB, NV ổn định, thu nhập bình quân đạt 15.852.144 đồng/người tháng.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	Không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày 01/08/2014
2	Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT	2/2	100%	Là thành viên HĐQT kể từ ngày 01/08/2014
3	Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên HĐQT	8/9	88,89%	Bận công tác
4	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT – Tổng GĐ	9/9	100%	
5	Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
6	Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Thành viên HĐQT	2/3	66,7%	Không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày 07/03/2014
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	7/9	77,78%	Bận công tác
8	Ông Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
9	Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT	6/6	100%	Là thành viên HĐQT kể từ ngày 07/03/2014



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 09 nghị quyết liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, tài chính, chuyển sàn giao dịch cổ phiếu, trả cổ tức, ... Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/QĐ-CPTĐMN-KHKT	14/01/2014	Phê duyệt điều chỉnh giá trị hợp đồng gói thầu DR-XL.16 Thi công hạng mục Đường giao thông tránh ngập sau tích nước lòng hồ ĐaM'Bri – Công trình thủy điện ĐaM'Bri.
2	05/NQ-CPTĐMN-HĐQT	21/01/2014	Kết quả thực hiện năm 2013, kế hoạch năm 2014 và các vấn đề khác.
3	07/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	14/02/2014	Phê duyệt chọn đơn vị tư vấn để chuyển giao dịch cổ phiếu Công ty sang sàn HSX
4	10/NQ-CPTĐMN-HĐQT	28/02/2014	Phê duyệt: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Đasiat. ▪ Chọn sàn giao dịch cổ phiếu Công ty. ▪ Chuyển trụ sở làm việc chính của Công ty. ▪ Tiến độ đưa tổ máy số 2 nhà máy ĐaM'Bri vào vận hành.
5	12/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	28/02/2014	Phê duyệt chi phí hoạt động kế hoạch năm 2014.
6	16/NQ-CPTĐMN-HĐQT	07/03/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Việt Tuấn- đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tạm thời làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam thay thế Bà Trịnh Thị Tuyết Minh kể từ ngày 07/03/2014.
7	17/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/03/2014	Miễn nhiệm thành viên HĐQT: Bà Trịnh Thị Tuyết Minh không còn là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
8	18/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/03/2014	Bổ nhiệm thành viên HĐQT: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Việt Tuấn- người đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn, tạm thời làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam với nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ, quy chế, quy định hiện hành của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam và các quy định của pháp luật.
9	20/NQ-CPTĐMN-HĐQT	07/03/2014	Thống nhất các tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và các vấn đề khác.
10	21/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/03/2014	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Dự án nhà máy thủy điện Đa Siat
11	22/ QĐ -CPTĐMN-HĐQT	12/03/2014	Phê duyệt chi phí tiền lương năm 2014
12	32/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	28/03/2014	Ban hành Quy chế về Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
13	33/NQ-CPTĐMN-HĐQT	28/03/2014	Triển khai thực hiện việc niêm yết cổ phiếu tại SGDCK Hồ Chí Minh.
14	34/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	24/04/2014	Phê duyệt phạm vi thực hiện dự toán, kế hoạch đấu thầu và đơn vị thực hiện. Gói thầu: “Thẩm tra khối lượng, dự toán các gói thầu” Công trình Thủy điện ĐaM'Bri.





STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
15	35/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	08/05/2014	Phê duyệt dự toán, kế hoạch chỉ định thầu và đơn vị thực hiện gói thầu thiết kế thi công trang trí, cung cấp nội thất và M&E cho trụ sở làm việc mới của Công ty.
16	36/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	09/06/2014	Phê duyệt chi phí thẩm tra, phê duyệt Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Công trình nhà máy Thủy điện Đa Siat.
17	37/NQ-CPTĐMN-HĐQT	12/06/2014	Thông nhất việc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam vay vốn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM để tái cấu trúc tài chính Công ty.
18	38/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	13/06/2014	Chọn đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.
19	40/ QĐ-CPTĐMN-HĐQT	20/06/2014	Sửa Điều 2- khoản 3 trong Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam: Địa chỉ trụ sở chính Công ty : P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84 8) 38207795; Fax: (84 8) 38207794
20	41A/QĐ-CPTĐMN - HĐQT	08/07/2014	Về việc chọn đơn vị thực hiện tư vấn pháp luật.
21	45/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	30/07/2014	Về việc phê duyệt tiền thưởng vận hành an toàn điện năm 2014 Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
22	47/NQ-CPTĐMN-HĐQT	31/07/2014	Về việc công tác trồng rừng thay thế dự án thủy điện ĐaM'ri, thu hồi tiền tạm ứng của Công ty TNHH Cavico Việt Nam, nghiên cứu đầu tư dự án mới.
23	49/NQ-CPTĐMN-HĐQT	31/07/2014	Thông nhất bầu bổ sung Ông Hồ Quang Ái – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam – Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam làm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam thay thế Ông Nguyễn Thành Duy.
24	51/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	21/08/2014	Về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2013
25	52/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	10/09/2014	Phê duyệt chi phí trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm nghiệp sang mục đích khác thuộc dự án thủy điện ĐaM'ri
26	53/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	15/09/2014	Phê duyệt dự toán và kế hoạch đấu thầu. Gói thầu BH.01: Bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản.
27	54/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	30/09/2014	Phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch mua sắm bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa Dâng 2
28	57/NQ-CPTĐMN-HĐQT	14/10/2014	HĐQT thống nhất giao cho Ban điều hành tiếp xúc với Công ty CP miền Đông về đầu tư dự án Thủy điện Đa Dâng 3
29	58/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	31/10/2014	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu Gói thầu: Trang bị bánh xe công tác- nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.
30	60/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	31/12/2014	Về việc giải thể công trường ĐaM'ri sau thời gian thi công do nhà máy ĐaM'ri đã xây dựng hoàn tất.





Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc



Trong năm 2014, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám Đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty các vấn đề như sau:

- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 và giám sát việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Chỉ đạo giám sát đưa tổ máy 2 nhà máy ĐaM'bri vào vận hành ngày 20/05/2014.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo triển khai việc chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty từ sàn giao dịch Upcom sang sàn giao dịch Hose.
- Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2013.
- Thực hiện giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.



Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- | | |
|-------------------------|------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Thịnh | UV HĐQT kiêm TGĐ |
| 2. Ông Trịnh Phi Anh | UV HĐQT |

Các hoạt động khác của HĐQT

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: **không có**
- Hoạt động của TV HĐQT độc lập không điều hành: **không có**

Giao dịch của cổ đông nội bộ

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: **không có**
- Các giao dịch khác: **không có**

**BAN KIỂM SOÁT****Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Hoàng Minh Dũng	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
2	Ông Thang Thanh Hà	Ủy viên BKS	
3	Ông Tô Công Thanh Lộc	Ủy viên BKS	



Sự phối hợp chặt chẽ trong công tác giám sát và quản lý doanh nghiệp đã giúp hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạt hiệu quả cao nhất.

Thay đổi trong thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát Hoàng Minh Dũng được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát thay thế cho ông Thang Thanh Hà.

- Ông Thang Thanh Hà xin thôi nhiệm vụ trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam kể từ ngày 01/07/2014. Ban kiểm soát đã nhất trí thông qua bầu thành viên Ban kiểm soát Hoàng Minh Dũng giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam thay cho ông Thang Thanh Hà kể từ ngày 01/07/2014.
- Kể từ ngày 01/07/2014 ông Hoàng Minh Dũng giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát và ông Thang Thanh Hà giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Hoạt động của Ban kiểm soát**a. Hoạt động của BKS và sự phối hợp với HĐQT**

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia một số cuộc họp kiểm điểm định kỳ hàng tháng giữa Ban lãnh đạo của Công ty với nhà thầu thi công công trình, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra thực địa một số hạng mục công trình đang xây dựng và các nhà máy.
- Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và sự hợp tác của lãnh đạo Công ty cũng như CBCNV Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Trong các buổi họp của hội đồng quản trị Ban kiểm soát đã được hỏi ý kiến cũng như đã chủ động tham gia các ý kiến góp ý liên quan đến đầu tư xây dựng và sản xuất của Công ty.
- Định kỳ quý và 6 tháng Ban kiểm soát kiểm tra về công tác tài chính kế toán, kết quả sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý, chi phí đầu tư; kiểm tra tình hình sử dụng lao động, thực hiện chính sách với người lao động.

b. Sự phối hợp của BKS với các Cổ đông

- Trong năm 2014 Ban kiểm soát không nhận được đơn, thư hay phản ánh bằng văn bản nào của Cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất của Công ty.
- Thù lao ban kiểm soát được nhận trong năm 2014 là:

Trưởng BKS: 6.000.000 đ/tháng x 12 tháng = 72.000.000 đ

TV BKS: 3.000.000 đ/tháng x 12 tháng x 2 = 72.000.000 đ.





c. Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia một số cuộc họp định kỳ hàng tháng giữa Ban lãnh đạo của Công ty với các nhà thầu thi công công trình, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra thực địa một số hạng mục công trình đang xây dựng và các nhà máy.



e. Nhận xét về Công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty

- Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT Công ty đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình đã giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT, kiên quyết chỉ đạo Công ty thực hiện dự án đúng tiến độ, điều hành sản xuất đạt kế hoạch giao.
- Mặc dù tiến độ phát điện tổ máy 2 nhà máy ĐaM'bri chậm nhưng không ảnh hưởng đến sản lượng điện của Nhà máy ĐaM'bri và ban kiểm soát đánh giá Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc điều hành hoạt động theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Lãnh đạo và CBCNV Công ty đã thể hiện tính tích cực chủ động, có trách nhiệm trong sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.
- Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT và Ban GD trong năm 2014 theo ban kiểm soát là cần trọng và có trách nhiệm.

d. Đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình

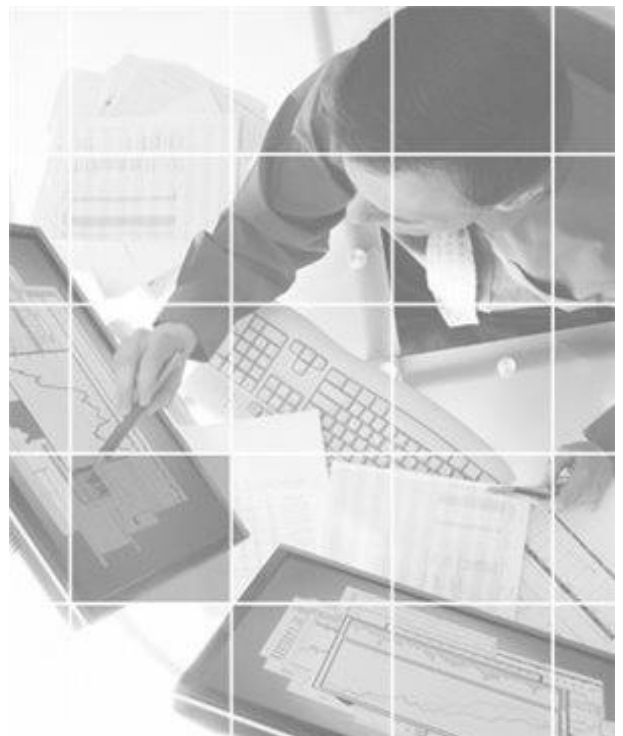
hoạt động kinh doanh của Công ty

- Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước
- Đã thực hiện công tác soát xét tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán cả năm 2014
- Tuân thủ đúng Điều lệ của HĐQT, quy định của Nhà nước về việc mua sắm, sửa chữa trong năm 2014
- Nhìn chung, Công ty đã cố gắng điều hành tiết kiệm chi phí, tuy nhiên một số chi phí liên quan sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy Đasiat và Đa dâng 2 thực hiện tăng cao so với kế hoạch do một số thiết bị thời gian vận hành đã bị hư hỏng, gây sự cố cần phải thay thế.

f. Kiến nghị của Ban kiểm soát với Ban lãnh đạo

Tổng Công ty

- Làm việc với Công ty mua bán điện để thương thảo lại giá điện cho thủy điện Đa dâng 2 để tăng lợi ích cho Cổ đông.
- Tổ chức tốt công tác bảo vệ tài sản nằm rải rác trên công trường, kiểm tra tiếp nhận đầy đủ vật tư dự phòng theo hợp đồng, thực hiện công tác thu hồi vật tư dư thừa không còn sử dụng sau khi hoàn thành công trình ĐaM'bri, đặc biệt là công tác bảo vệ, thu hồi đường dây, trạm biến áp trên công trường phục vụ thi công không còn sử dụng để tổ chức thanh lý thu hồi vốn.
- Thực hiện hoàn tất quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy Đa dâng 2 và ĐaM'bri.



**GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao/tháng (VND)
Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT			10.000.000
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT			6.000.000
Ông Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên HĐQT			6.000.000
Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT			6.000.000
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Ủy viên HĐQT			6.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT			6.000.000
Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT			6.000.000
Tổng cộng				46.000.000
BAN KIỂM SOÁT	Ông Hoàng Minh Dũng	Trưởng BKS		6.000.000
	Ông Thang Thanh Hà	Ủy viên BKS		3.000.000
	Ông Tô Công Thanh Lộc	Ủy viên BKS		3.000.000
Tổng cộng				12.000.000

shp**Năng Lượng Của Trách Nhiệm**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

Ý kiến của kiểm toán

Toàn văn Báo cáo tài chính 2014

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính



Số : 76/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo Tài chính năm 2014 của
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam, được lập ngày 04/03/2015, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002486 ngày 13 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 07 với mã số doanh nghiệp là 0303416670 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 07 năm 2014.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 937.102.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 106 Lầu 1 Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh Lâm Đồng

Căn số 02, Lô D5, Hồ Tùng Mậu, khu QH Bắc Giang, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng





Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch	Từ ngày 01/08/2014
Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch	Đến ngày 01/08/2014
Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên	
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Thành viên	Đến ngày 07/03/2014
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên	Từ ngày 07/03/2014
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Ông Lê Chí Phước	Thành viên	
Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Minh Dũng	Trưởng ban	Từ ngày 01/07/2014
Ông Thang Thanh Hà	Trưởng ban	Đến ngày 01/07/2014
Ông Thang Thanh Hà	Thành viên	Từ ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	Đến ngày 01/07/2014
Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.





Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		421.547.858.948	252.950.023.409
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	107.431.742.724	23.466.189.713
1. Tiền	111		104.931.742.724	20.966.189.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	2.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.821.364.689	3.821.364.689
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.821.364.689	3.821.364.689
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		296.404.270.847	217.499.628.662
1. Phải thu khách hàng	131		69.589.345.252	34.649.963.855
2. Trả trước cho người bán	132		226.507.563.395	182.496.400.190
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	307.362.200	353.264.617
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	1.631.686.117	1.204.273.069
1. Hàng tồn kho	141		1.631.686.117	1.204.273.069
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.258.794.571	6.958.567.276
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		332.867.400	510.725.224
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.310.377.171	4.916.145.507
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	113.116.139
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	615.550.000	1.418.580.406
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.784.105.013.751	2.673.604.567.210
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.781.629.343.176	2.672.453.740.816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.768.750.440.587	599.596.893.718
- Nguyên giá	222		3.096.633.865.668	774.902.319.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(327.883.425.081)	(175.305.425.651)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-





TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2014	01/01/2014
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.749.863.637	2.719.863.637
- Nguyên giá	228		2.749.863.637	2.719.863.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	10.129.038.952	2.070.136.983.461
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.475.670.575	1.150.826.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.031.275.700	766.826.394
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		444.394.875	384.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.205.652.872.699	2.926.554.590.619



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.983.874.613.839	1.845.752.063.874
I. Nợ ngắn hạn	310		640.220.073.036	591.505.261.327
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	158.672.000.000	254.295.000.000
2. Phải trả người bán	312		75.240.062.559	106.033.125.202
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	10.820.482.599	5.192.794.020
5. Phải trả người lao động	315		4.743.493.483	7.446.961.813
6. Chi phí phải trả	316	V.13	143.057.846.789	9.735.306.777
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	247.083.104.435	207.579.237.311
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		603.083.171	1.222.836.204
II. Nợ dài hạn	330		1.343.654.540.803	1.254.246.802.547
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	1.343.654.540.803	1.254.246.802.547
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.221.778.258.860	1.080.802.526.745
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1.221.778.258.860	1.080.802.526.745
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-





NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		284.676.258.860	143.700.526.745
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.205.652.872.699	2.926.554.590.619

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Duy Hà

Kê toán trưởng

Nguyễn Thành Tú Anh

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	596.443.770.547	194.095.070.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		596.443.770.547	194.095.070.219
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	221.140.126.250	71.781.996.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		375.303.644.297	122.313.074.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.363.586.824	6.441.416.917
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	126.737.165.755	11.045.801.598
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		126.737.165.755	11.045.801.598
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.511.412.831	14.404.815.968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.418.652.535	103.303.873.524
11. Thu nhập khác	31		2.358.186.155	1.075.402.001
12. Chi phí khác	32		2.335.490.142	3.137.730
13. Lợi nhuận khác	40		22.696.013	1.072.264.271
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		226.441.348.548	104.376.137.795
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	6.328.735.973	158.126.296
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		220.112.612.575	104.218.011.499
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	2.349	1.112

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Duy Hà

Nguyễn Thành Tú Anh

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		226.441.348.548	104.376.137.795
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		152.701.363.484	48.670.451.019
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.363.586.824)	(6.441.416.917)
- Chi phí lãi vay	06		126.737.165.755	11.045.801.598
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		500.516.290.963	157.650.973.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84.443.122.179)	20.551.168.404
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(427.413.048)	(640.861.930)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		134.217.118.270	35.395.667.988
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.086.591.482)	146.024.160
- Tiền lãi vay đã trả	13		(120.035.925.195)	(11.045.801.598)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.224.870.122)	(1.556.907.598)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.788.473.493)	(3.529.918.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		419.727.013.714	196.970.344.209
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(261.873.281.983)	(622.876.335.886)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	-





Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
khác				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.363.586.824	7.246.683.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(256.509.695.159)	(615.629.652.522)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		881.842.547.739	382.692.105.374
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(888.057.809.483)	(60.145.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(73.036.503.800)	(63.315.863.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(79.251.765.544)	259.231.242.374
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		83.965.553.011	(159.428.065.939)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.466.189.713	182.894.255.652
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	107.431.742.724	23.466.189.713

Người lập biểu

Nguyễn Duy Hà

Kê toán trưởng

Nguyễn Thành Tú Anh

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002486 ngày 13 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 07 với mã số doanh nghiệp là 0303416670 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 07 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 937.102.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 106 Lầu 1 Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Lâm Đồng	Căn số 02, Lô D5, Hồ Tùng Mậu, khu QH Bắc Giang, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo nghề; Bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.





2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác	06 năm
- Tài sản cố định hình thành từ xây dựng cơ bản	05 – 30 năm





Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Theo yêu cầu quản lý của Công ty, các Nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2, Đa M'brì là tài sản cố định hình thành từ xây dựng cơ bản. Trong đó, mỗi nhà máy là một hệ thống tài sản không thể tách rời bao gồm các công trình xây dựng, máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay. Chi phí lãi vay được vốn hoá trong kỳ là: 28.362.135.604 đồng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.





7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.





10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.





V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	256.496.726	223.979.877
Tiền gửi ngân hàng	104.675.245.998	20.742.209.836
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	107.431.742.724	23.466.189.713

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	3.821.364.689	3.821.364.689
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	3.821.364.689	3.821.364.689

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	-	-
Phải thu khoản tạm ứng đền bù	307.362.200	307.362.200
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	23.692.916
Phải thu khác	-	22.209.501
Cộng	307.362.200	353.264.617

4. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	344.739.961	235.990.913
Công cụ, dụng cụ	1.286.946.156	968.282.156
Cộng	1.631.686.117	1.204.273.069
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.631.686.117	1.204.273.069

**5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp dư	-	113.116.139
Cộng	-	113.116.139

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	615.550.000	1.418.580.406
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	615.550.000	1.418.580.406

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	TSCĐ hình thành từ xây dựng cơ bản	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	767.634.241.381	479.802.000	5.986.609.039	719.798.767	81.868.182	774.902.319.369
Số tăng trong năm	2.321.999.019.310	222.290.000	-	68.545.454	93.390.216	2.322.383.244.980
- Mua sắm mới	-	222.290.000	-	68.545.454	93.390.216	384.225.670
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.321.999.019.310	-	-	-	-	2.321.199.019.310
Số giảm trong năm	496.311.681	-	-	155.387.000	-	651.698.681
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	38.587.000	-	38.587.000
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	116.800.000	-	116.800.000
- Giảm theo quyết toán dự án	496.311.681	-	-	-	-	496.311.681
Số dư cuối năm	3.089.136.949.010	702.092.000	5.986.609.039	632.957.221	175.258.398	3.096.633.865.668
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	170.843.302.362	163.314.428	3.839.468.639	458.313.202	1.027.020	175.305.425.651
Khấu hao trong năm	151.815.745.922	126.955.536	655.643.243	110.760.710	24.281.019	152.733.386.430
Giảm trong năm	-	-	-	155.387.000	-	155.387.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	38.587.000	-	38.587.000
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	116.800.000	-	116.800.000
- Giảm theo quyết toán dự án	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	322.659.048.284	290.269.964	4.495.111.882	413.686.912	25.308.039	327.883.425.081
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>						
Tại ngày đầu năm	596.790.939.019	316.487.572	2.147.140.400	261.485.565	80.841.162	599.596.893.718
Tại ngày cuối năm	2.766.477.900.726	411.822.036	1.491.497.157	219.270.309	149.950.359	2.768.750.440.587



(*) **Ghi chú:**

- Toàn bộ tài sản hình thành từ XDCB có nguyên giá theo sổ kế toán là 2.772.078.175.905 đồng (Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và nhà máy thủy điện Đa M'بری) được hạch toán theo giá tạm tính (sẽ được điều chỉnh lại sau khi có quyết toán chính thức từ dự án đầu tư).

- Nguyên giá TSCĐ được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng: 3.089.136.949.010 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.325.443.941 đồng.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình			
Số dư đầu năm	2.719.863.637	-	2.719.863.637
Số tăng trong năm	-	30.000.000	30.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.719.863.637	30.000.000	2.749.863.637
Giá trị đã hao mòn			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình			
Tại ngày đầu năm	2.719.863.637	-	2.719.863.637
Tại ngày cuối năm	2.719.863.637	30.000.000	2.719.863.637

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	10.129.038.952	2.070.136.983.461
- Chi phí XDCB nhà điều hành Bảo Lộc	193.183.181	193.183.181
- Chi phí mua sắm TSCĐ	415.035.147	154.100.000
- CP chờ quyết toán Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2	9.520.820.624	10.268.755.647
- Nhà máy thủy điện Đambri	-	2.059.520.944.633
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Cộng	10.129.038.952	2.070.136.983.461



**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chưa phân bổ	940.858.185	695.718.741
Chi phí trang thiết bị văn phòng mới	1.050.807.599	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	39.609.916	71.107.653
Cộng	2.031.275.700	766.826.394

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	-	65.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	158.672.000.000	189.295.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II	42.516.000.000	42.516.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	66.156.000.000	129.579.000.000
- Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam-Chi Nhánh Tp HCM	-	8.600.000.000
- Ngân hàng ngoại thương tại TP Hồ Chí Minh	-	6.020.000.000
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sài Gòn	-	2.580.000.000
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – VPBank	50.000.000.000	-
Cộng	158.672.000.000	254.295.000.000

(*) Xem thuyết minh số 15 – Vay và nợ dài hạn

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT	2.935.175.799	1.478.829.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.990.749.712	-
Thuế thu nhập cá nhân	58.972.055	274.395.621
Thuế tài nguyên	1.954.554.633	544.405.754
Phí dịch vụ bảo vệ rừng	3.881.030.400	2.895.163.330
Cộng	10.820.482.599	5.192.794.020





13. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích trước chi phí công trình Nhà máy thủy điện Đa Siat	7.872.411.571	9.301.005.032
Trích trước chi phí công trình Nhà máy thủy điện Đa M'brì	135.167.135.218	-
Trích trước chi phí công trình Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2	18.300.000	244.221.745
Các khoản chi phí trích trước khác	-	190.080.000
Cộng	143.057.846.789	9.735.306.777

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.190.190.600	6.258.534.400
Phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (*)	235.625.973.800	200.805.516.102
Phải trả Nhân viên công ty	2.235.970.576	24.887.350
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.030.969.459	490.299.459
Cộng	247.083.104.435	207.579.237.311

(*) Phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Nam là khoản uỷ thác nhập khẩu, mua thiết bị cho nhà máy thủy điện ĐaMbrì.

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn	1.343.654.540.803	1.254.246.802.547
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (a)	418.983.000.000	1.111.683.809.483
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng –VPBank HCM (b)	49.999.999.999	99.999.999.999
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II (c)	46.993.065	42.562.993.065





- Ngân hàng ngoại thương – HCM	874.624.547.739	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	1.343.654.540.803	1.254.246.802.547

Chi tiết vay dài hạn:

- (a) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTDDT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà Nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03C/2014/HĐTDDT(SE) điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc: 89 tháng từ tháng 12/2014.
- (b) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 212/2013/HDTD/CMB-HCM ngày 16 tháng 12 năm 2013, thời hạn hợp đồng 36 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân đầu tiên là 10,9%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%), khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp.
- (c) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II theo Hợp đồng tín dụng số 10/2008/HĐTDDT-NHPT-PC ngày 21 tháng 7 năm 2008, hạn mức tín dụng là 276,341 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 08 năm, lãi suất tính bằng lãi suất 6,9%/ năm , khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay.
- (d) Vay Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 02 hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20/11/2013, hạn mức tín dụng là 260.110.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng 138 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên là 11,1%/năm, mục đích để thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày kết thúc Thời gian ân hạn (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12/11/2014, hạn mức tín dụng là 633.763. 000.000 đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+)3,6%/năm , điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo Dự án đầu tư thủy điện ĐaM'bri công suất 75KW, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay. Mục đích vay dùng để tái cấu trúc tài chính các khoản vay có lãi suất 11,4%/năm, 12%/năm và 14,4%/năm theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTDDT-NHPT ngày 17 tháng 04 năm 2008 của ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng
- (*) **Ghi chú:** Khoản vay dài hạn phải trả trong ngắn hạn phát sinh từ những khoản vay dài hạn trên sẽ được kết chuyển sang khoản mục Vay và nợ ngắn hạn, chi tiết là Nợ dài hạn đến hạn trả như được trình bày tại thuyết minh số V.11.



16. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	937.102.000.000	108.732.123.883
Lợi nhuận trong năm nay	-	104.218.011.499
Chia cổ tức năm 2012	-	(65.597.140.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2012	-	(3.652.468.637)
Số dư cuối năm trước	937.102.000.000	143.700.526.745
Số dư đầu năm nay	937.102.000.000	143.700.526.745
Lãi trong năm nay		220.112.612.575
Chia cổ tức năm 2013		(74.968.160.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2013		(4.168.720.460)
Số dư cuối năm nay	937.102.000.000	284.676.258.860

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	%	01/01/2014 VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86%	457.843.580.000	48,86%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	189.507.130.000	20,22%	189.507.130.000	20,22%
Vốn góp của các đối tượng khác	289.751.290.000	30,92%	289.751.290.000	30,92%
Cộng	937.102.000.000	100%	937.102.000.000	100%





c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	937.102.000.000	937.102.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	937.102.000.000	937.102.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	93.710.200	93.710.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu phổ thông	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu phổ thông	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	596.443.770.547	194.095.070.219
Cộng	596.443.770.547	194.095.070.219





2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	221.140.126.250	71.781.996.046
Cộng	221.140.126.250	71.781.996.046

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.363.586.824	6.441.416.917
Cộng	5.363.586.824	6.441.416.917

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	126.737.165.755	11.045.801.598
Cộng	126.737.165.755	11.045.801.598

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo quy định hiện hành thì Công ty đã đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Công ty được được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện thương phẩm với thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 09 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp cho khoản thu nhập từ dự án

Dự án đầu tư mở rộng sản xuất đưa vào sử dụng trong năm (nhà máy thủy điện ĐamBri) được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định hiện hành sẽ được miễn thuế TNDN 04 năm từ khi có thu nhập và giảm 50% số thuế phải nộp phát sinh từ dự án trong 09 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên thu nhập từ nhà máy thủy điện ĐamBri được miễn thuế TNDN.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	226.441.348.548	104.376.137.795
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.164.512.184	2.424.065.741





- Các khoản điều chỉnh tăng	1.563.871.056	2.424.065.741
+ Chi phí không được khấu trừ	1.563.871.056	2.325.534.823
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	98.530.918
- Các khoản điều chỉnh giảm	399.358.872	-
Tổng thu nhập chịu thuế	227.605.860.732	106.800.203.536
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất ưu đãi 10%	126.574.719.465	106.167.698.351
- Thu nhập hoạt động miễn thuế của nhà máy thủy điện Đa M'brì	103.073.976.516	-
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông 22%	(2.042.835.249)	632.505.185
Thuế TNDN được miễn, giảm	16.636.133.625	10.616.769.835
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.328.735.973	158.126.296

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	220.112.612.575	104.218.011.499
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	220.112.612.575	104.218.011.499
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	93.710.200	93.710.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.349	1.112

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.042.146.850	683.939.722
Chi phí nhân công	9.920.165.480	13.026.451.947



Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.701.363.484	48.670.451.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.769.953.576	3.541.763.351
Chi phí khác bằng tiền	72.217.909.691	20.264.205.975
Cộng	248.651.539.081	86.186.812.014

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm tài chính 2014, Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác	2.788.630.690	2.756.763.072

Trong năm tài chính 2014, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	36.627.486.400
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	15.160.570.400

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị khoản phải thu / (phải trả) (VND)	
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Ủy thác nhập khẩu thiết bị	222.558.008.892
		Nhận thiết bị nhập khẩu	(235.625.973.800)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.





Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.15). Tại thời điểm 31/12/2014 Công ty cũng không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.





Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	654.452.637.934	600.670.993.064	728.147.899.670	1.983.271.530.668
Phải trả cho người bán	75.240.062.559	-	-	75.240.062.559
Vay và nợ	173.507.648.069	600.670.993.064	728.147.899.670	1.502.326.540.803
Các khoản phải trả khác	405.704.927.306	-	-	405.704.924.306
Số đầu kỳ	696.315.550.325	725.090.993.064	529.155.809.483	1.950.562.352.872
Phải trả cho người bán	106.033.125.202	-	-	106.033.125.202
Vay và nợ	254.295.000.000	725.090.993.064	529.155.809.483	1.508.541.802.547
Các khoản phải trả khác	335.987.425.123	-	-	335.987.425.123

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.





Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2014, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Duy Hà

Kê toán trưởng

Nguyễn Thành Tú Anh

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

A red circular official stamp of Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. The stamp contains the company name and registration number S.Đ.K.K.D: 0303416670. A blue ink signature is written over the stamp.

Nguyễn Văn Thịnh

